

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo)

Hòa Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2021

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng
 (Đính kèm Quyết định số: 243/QĐ-CĐSP ngày 05 tháng 11 năm 2021
 của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Nguyễn Thị Lệ Hường	Ths. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Đào Anh Tuấn	Ths. Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3.	Đặng Trọng Nghĩa	Ths. Phó Hiệu trưởng	Thư ký	
4.	Bùi Thị Hương	Ths. TP.ĐT&KT-KH và CTSV	Thư ký	
5.	Lê Hải Diệu	Ths. Trưởng khoa Mầm non	Thành viên	
6.	Quách Công Sơn	Ths. TP. TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
7.	Lê Thị Hồng Hải	CN. Trưởng phòng HC-TH	Thành viên	
8.	Bùi Thị Hằng Thơ	Ths. TP.ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
9.	Đỗ Khắc Sơn	Ths. TP. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
10.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ths. PTP. HC-TH	Thành viên	
11.	Nguyễn Thị Thu Hà	Ths. PTP.TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
12.	Đỗ Thị Tiến Thành	Ths. CB.P.ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
13.	Đinh Thị Thảo	Ths. CB.P.TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
14.	Dương Bích Thúy	Ths. Phó trưởng khoa Mầm non	Thành viên	
15.	Trương Thị Phương Lan	Ths. TP. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
16.	Trịnh Thị Hồng	Ths. CB.Phòng TC-TTr-ĐBCL	Thành viên	
17.	Nguyễn Thị Huyền	Ths. Phó Chủ tịch HSV	Thành viên	
18.	Bùi Văn Thiện	CN. Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên	
19.	Phạm Nam Phương	Ths. Giám đốc TT NCTLGD-GDĐB	Thành viên	
20.	Bùi Thị Ngọc Hải	Ths. PHT. Trường PTHH CLC NTT	Thành viên	
21.	Nguyễn Thành Hưng	Ths. PTP. HC-TH	Thành viên	
22.	Lê Hồng Hào	CN.Cán bộ Tổ thư viện	Thành viên	
23.	Nguyễn Thị Mai Hương	Ths.CB. Phòng TC-TTr-ĐBCL	Thành viên	
24.	Nguyễn Văn Lợi	Ths.Tổ trưởng tổ LLCT-QPAN-GDTC	Thành viên	
25.	Bùi Thị Phương	CN.CB. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
26.	Lê Thành Nam	Ths. TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
27.	Hoàng Ngọc Mai	CN. Trưởng cơ sở MN Hoa Sen	Thành viên	

(Danh sách gồm có 27 người)

MỤC LỤC

PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG	5
1. Giới thiệu về trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.	5
2. Giới thiệu về Khoa Mầm Non	10
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	11
TIÊU CHUẨN 1.....	11
MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với thực tiễn của địa phương.</i>	11
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.</i>	12
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai</i>	14
TIÊU CHUẨN 2.....	16
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
Tiêu chí 2.1: <i>Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	16
Tiêu chí 2.2. <i>Đề cương các môn học hoặc học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	18
Tiêu chí 2.3: <i>Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận</i>	19
TIÊU CHUẨN 3.....	22
CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	22
Tiêu chí 3.1: <i>Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i>	22
Tiêu chí 3.2: <i>Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được chuẩn đầu ra.</i>	25
Tiêu chí 3.3. <i>Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.</i>	28
TIÊU CHUẨN 4.....	32
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	32

<i>Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan</i>	32
<i>Tiêu chí 4.2. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra</i>	34
<i>Tiêu chí 4.3. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.</i>	36
TIÊU CHUẨN 5	39
TUYỂN SINH VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	39
<i>Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật</i>	39
<i>Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.</i>	42
<i>Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên</i>	44
<i>Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn giảm học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh sinh viên sư phạm.</i>	46
<i>Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học.</i>	47
<i>Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.</i>	49
TIÊU CHUẨN 6	53
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	53
<i>Tiêu chí 6.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra</i>	53
<i>Tiêu chí 6.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	55
<i>Tiêu chí 6.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	56
<i>Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập.</i>	57
<i>Tiêu chí 6.5 Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.</i> ..	58
TIÊU CHUẨN 7	61
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN .	61

<i>Tiêu chí 7.1. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý</i>	61
<i>Tiêu chí 7.2. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.</i>	62
<i>Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.</i>	63
<i>Tiêu chí 7.4. Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.</i>	66
<i>Tiêu chí 7.5. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ</i>	67
<i>Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên đảm bảo đúng quy định, công khai và minh bạch</i>	69
TIÊU CHUẨN 8	71
CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	71
<i>Tiêu chí 8.1: Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.</i>	71
<i>Tiêu chí 8.2: Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo.</i>	72
<i>Tiêu chí 8.3: Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.</i>	75
<i>Tiêu chí 8.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	76
TIÊU CHUẨN 9.....	78
BẢO ĐẢM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	78
<i>Tiêu chí 9.1. Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo.</i>	79
<i>Tiêu chí 9.2. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng.</i>	81
<i>Tiêu chí 9.3. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến</i>	83
<i>Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.</i>	84

<i>Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	86
<i>Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.</i>	87
<i>Tiêu chuẩn 9.7: Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến.</i>	89
TIÊU CHUẨN 10	92
KẾT QUẢ ĐẦU RA	92
<i>Tiêu chí 10.1. Tỷ lệ thôi học, thất nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	92
<i>Tiêu chí 10.2. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	93
<i>Tiêu chuẩn 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	94
PHẦN IV. KẾT LUẬN	97
PHỤ LỤC 1	102
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	102
PHỤ LỤC 2: CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN TỰ ĐÁNH GIÁ	124
PHỤ LỤC 3. DANH MỤC MINH CHỨNG	141

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

TT	Tên gọi	Từ viết tắt
1	Ban Giám hiệu	BGH
2	Bộ Giáo dục và đào tạo	BGD&ĐT
3	Cán bộ viên chức	CBVC
4	Cao đẳng sư phạm	CĐSP
5	Cao đẳng chính quy	CĐCQ
6	Chuẩn đầu ra	CĐR
7	Chương trình dạy học	CTDH
8	Chương trình đào tạo	CTĐT
9	Công tác sinh viên	CTSV
10	Cơ sở vật chất	CSVC
11	Đào tạo- Khảo thí- Khoa học và Công tác sinh viên	ĐT-KT-KH&CTSV
12	Đơn vị học trình	ĐVHT
13	Giáo dục Tiểu học	GDTH
14	Giáo dục Mầm non	GDMN
15	Lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất	LLCT-GDQP-AN&GDTC
16	Giáo viên	GV
17	Hành chính-Tổng hợp	HC-TH
18	Học sinh sinh viên	HSSV
19	Kế hoạch-Tài chính	KH-TC
20	Kết quả học tập	KQHT
21	Tổ chức-Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	TC-TTr-&ĐBCL
22	Kiểm tra thường xuyên	KTTX
23	Ký túc xá	KTX
24	Nghiên cứu khoa học	NCKH
25	Quyết định	QĐ

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Hòa Bình. Điều đó được khẳng định bằng các cựu sinh viên đang công tác và giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý trong và ngoài ngành giáo dục. Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng đào tạo và các chương trình đào tạo của Nhà trường càng trở nên cấp thiết. Trong nhiều năm qua, khoa Tiểu học trường CĐSP Hòa Bình là một trong những khoa có lịch sử hình thành và bề dày phát triển đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh nhà nói chung và cho nhà trường nói riêng. Khoa Mầm non thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo và chương trình đào tạo của khoa được kiểm định là Ngành giáo dục Mầm non.

Trường CĐSP Hòa Bình đăng ký tự đánh giá CTĐT theo thông tư 02/2020/TT-BGDĐT, ngày 5/2/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Chúng tôi coi đây là cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá chất lượng CTĐT hệ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non để thấy rõ mối tương quan với các CTĐT khác của quốc gia; khu vực; từ đó xác định những việc cần làm, nhằm nâng cao chất lượng CTĐT, tiến tới đào tạo theo chuẩn quốc tế, khu vực.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non gồm có 6 phần:

+ Phần I: Khái quát, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT; và các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể.

+ Phần II : Tổng quan chung về cơ sở giáo dục và đơn vị đào tạo là khoa Mầm non;

+ Phần III: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: 1/Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; 2/Nêu những điểm mạnh của CTĐT; 3/Những tồn tại; 4/Kế hoạch cải tiến chất lượng và 5/Tự đánh giá;

+ Phần IV. Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần V. Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo thông tư 02/2020, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành gồm 10 tiêu chuẩn sau: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR); Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy-học; Tuyển sinh và hỗ trợ người học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Bảo đảm và nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Ngoài ra, ở phần tổng quan chung, Báo cáo tự đánh giá đã phác thảo một bức tranh tổng thể về trường CĐSP Hòa Bình và Khoa Giáo dục Mầm non với những hoạt động và chính sách chất lượng cụ thể.

Mục đích tự đánh giá: Đây là quá trình để Khoa Mầm non tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Phạm vi đánh giá: Đánh giá tổng thể các hoạt động của khoa Mầm non theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH của BGD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 02/2020/TT-BGDĐT ngày 5 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo Quyết định số 07/QĐ-CĐSP ngày 18/1/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình gồm có 27 thành viên.

Phương pháp đánh giá: Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành. Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của Khoa theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, tồn tại kể từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;
- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện.
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp thu thập minh chứng

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau:Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ :

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Giới thiệu về trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

Trường CĐSP Hòa Bình là trường cao đẳng công lập, nằm trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trường được nâng cấp thành trường cao đẳng theo Quyết định số 602/TTg ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ của trường CĐSP Hòa Bình là đào tạo chính quy và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên từ Mầm non (MN), Tiểu học (TH) đến Trung học cơ sở (THCS) có trình độ trung cấp và cao đẳng sư phạm; bồi dưỡng cán bộ quản lý là hiệu trưởng, hiệu phó, tổ trưởng chuyên môn các trường MN, TH, THCS trên địa bàn tỉnh; tổ chức nghiên cứu khoa học (NCKH) nhằm phục vụ cho giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV; liên kết với các trường đại học (ĐH) đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên, cán bộ quản lý MN, TH, THCS lên trình độ đại học. Ngoài ra, nhà trường còn đào tạo các ngành ngoài sư phạm nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực như: Kế toán, Tài chính ngân hàng; Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ, Công tác xã hội, Thư viện thông tin, Văn hóa du lịch, Quản trị văn phòng & Lưu trữ học, TC Hành chính văn thư, TC Thư viện thiết bị trường học ... cho các doanh nghiệp, cơ quan trong và ngoài tỉnh; Bên cạnh đó, việc chú trọng phát triển năng lực NCKH cho đội ngũ giảng viên là một hoạt động được nhà trường chú trọng thường xuyên, góp phần tăng cường chất lượng học tập của sinh viên, rèn luyện kỹ năng làm việc và văn hóa chất lượng trong môi trường sư phạm. Trường còn là nơi phổ biến tri thức khoa học, nghề nghiệp cho cộng đồng, xã hội, là trung tâm giao lưu học thuật và văn hóa giữa các trường trên địa bàn tỉnh.

Về tổ chức, cơ cấu tổ chức hiện nay của trường gồm: Ban Giám hiệu (*Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng*); Hội đồng KH&ĐT gồm 17 thành viên (*thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-CĐSP ngày 8/5/2019 của Hiệu trưởng*); 02 cơ sở thực hành sư phạm (*CSTHSP Mầm non Hoa Sen; Trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành*); 04 phòng chức năng (*Phòng Đào tạo, Khoa học, Khảo thí và CTSV (ĐT-KH-KT-CTSV); Phòng Tổ chức-Thanh tra và Đảm bảo chất lượng (TC-TTr-ĐBCL); Phòng Hành chính-Tổng hợp (HC-TH); Phòng Kế hoạch-Tài chính (KHTC)*); 02 khoa chuyên môn *Khoa Tiểu học- Trung học cơ sở và Liên kết đào tạo (TH-THCS & LKĐT)*;

Khoa Mầm non (MN); 02 tổ trực thuộc (Tổ LLCT-GDQP, AN & GDTC); Tổ Thư viện (TV, trực thuộc phòng Hành chính-Tổng hợp); 01 trung tâm (Trung tâm Nghiên cứu tâm lý giáo dục và giáo dục đặc biệt); 01 ban Quản lý ký túc xá (KTX).

Tổ chức Đảng và các đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Hội chữ thập đỏ.

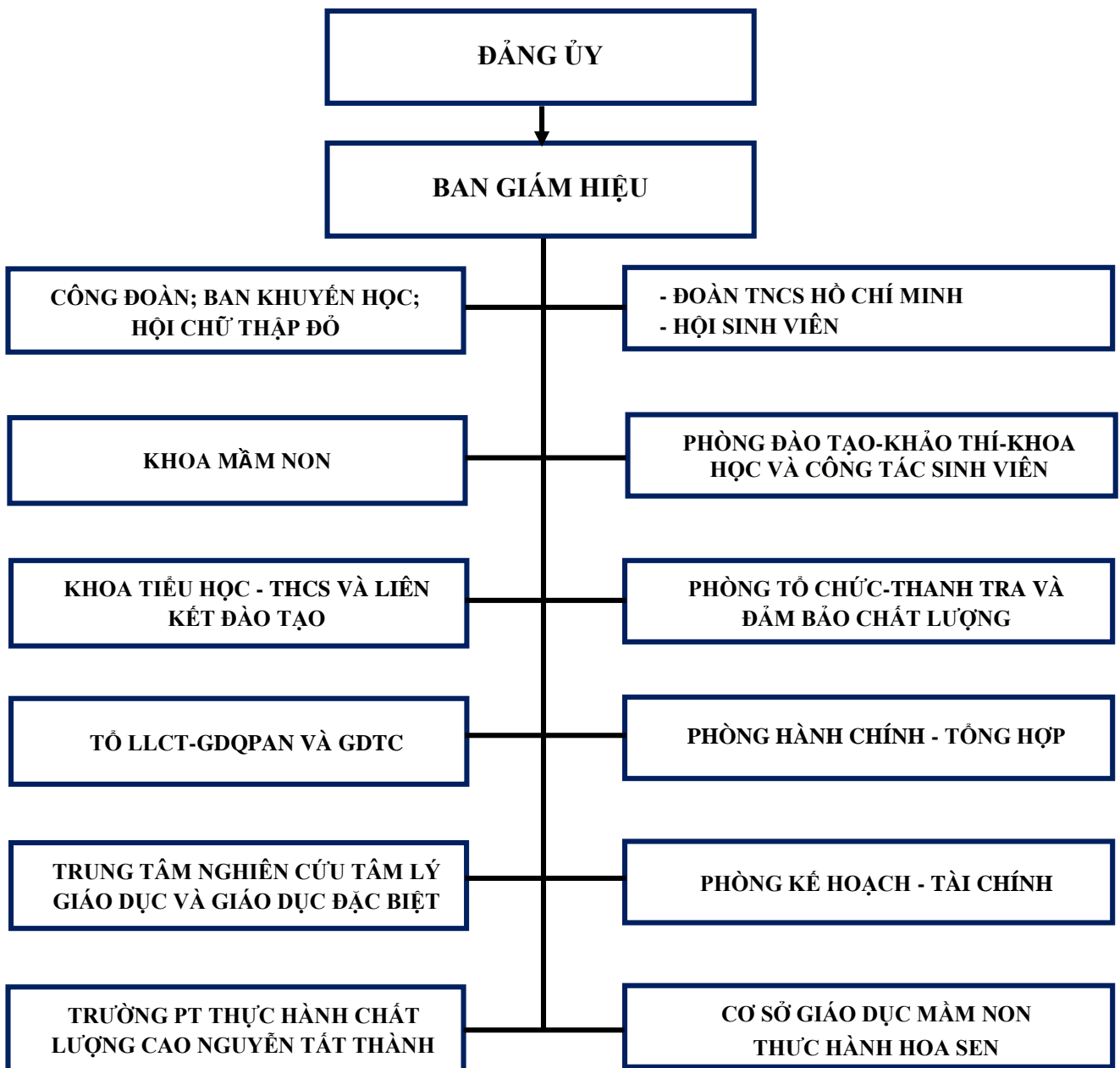
Về nhân lực, tổng số cán bộ, giảng viên chính thức và hợp đồng của trường là 86 cán bộ, viên chức (CBVC) trong đó có 59 thạc sĩ, 23 ĐH; 01 CĐ; 02 TC, 02 Hợp đồng 68. Ngoài ra, trường còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các cơ sở giáo dục đại học trong nước, các đối tác liên kết với nhà trường.

Về đào tạo, Trường CĐSP Hòa Bình có 11 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trong đó có 4 ngành đào tạo giáo viên (GD Mầm non, GD Tiểu học, SP Tiếng Anh, SP Âm nhạc,); 07 CTĐT cao đẳng ngoài sư phạm (Kế toán, Tiếng Anh, Tin học ứng dụng, Khoa học thư viện, Công tác xã hội, Quản trị văn phòng, Việt Nam học). Các CTĐT được thiết kế đào tạo song song theo phương thức hai ngành chính - phụ hoặc đơn ngành.

Bên cạnh đào tạo trình độ cao đẳng, trường có quan hệ hợp tác hiệu quả với nhiều trường đại học, sản phẩm đào tạo của trường được xã hội đánh giá cao trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển giáo dục và quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, khu vực.

Trong 65 năm phát triển và trưởng thành, nhà trường đã hai lần được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động (Hạng III, năm 1996; Hạng II, năm 2006).

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thể hiện theo sơ đồ sau:



*** Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

Hoạt động NCKH được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: thực hiện đề tài NCKH các cấp, tổ chức hội thảo khoa học, viết sách, giáo trình, bài báo khoa học, tham gia viết bài cho các kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế... Các đề tài lớn (đề tài cấp tỉnh), công trình có chất lượng cao (bài báo quốc tế) có xu hướng gia tăng. Các đề tài cấp tỉnh đều có những kiến nghị, đóng góp trực tiếp cho việc xây dựng chính sách của Nhà nước, phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Hoạt động xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ kinh phí của trường. Trường có đơn vị chuyên trách trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH. Kế hoạch NCKH được chủ động xây dựng hàng năm, bổ sung, đánh giá thường xuyên và được tổ chức thực hiện một cách linh hoạt, đáp ứng yêu cầu (theo kế hoạch và đột xuất) của các đơn vị và giảng viên. Các hoạt động NCKH được diễn ra đa dạng, dưới nhiều hình thức, phù hợp với định hướng phát triển chung của nhà trường và phấn đấu trở thành trung tâm giao lưu, trao đổi học thuật của tỉnh. Quy trình đánh giá được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ nguyên tắc và quy định của các cấp quản lý Nhà nước.

Số lượng các công trình công bố ổn định và có xu hướng tăng, chất lượng các bài báo khoa học ngày càng được cải thiện, số lượng và quy mô các đề tài tăng hơn so với giai đoạn trước. Năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên ngày càng được nâng cao, đảm bảo chất lượng đề tài vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn. Các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp với trường trong hoạt động NCKH ngày càng tăng về số lượng, đa dạng về hình thức, uy tín của trường trong xã hội và cộng đồng ngày càng được nâng lên.

Nhà trường đã chủ động xây dựng và bước đầu phát triển các hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài thông qua các tổ chức quốc tế. Có kế hoạch duy trì mối quan hệ chặt chẽ và tin cậy với một số trường đại học uy tín trong nước, qua đó xây dựng mạng lưới đối tác với một số trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà khoa học, sẵn sàng hợp tác và có khả năng hợp tác một cách hiệu quả trong hoạt động NCKH với nhà trường.

*** CSVC, trang thiết bị, Thư viện phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH**

Trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện, hệ thống mạng internet đường truyền tốc độ cao. Nguồn lực thông tin đa dạng và phong phú (*bao gồm cả tài liệu truyền thống và các nguồn tin điện tử*) đảm bảo đáp ứng tương đối đầy đủ những yêu cầu cơ bản của công tác đào tạo và NCKH trong nhà trường.

Nhà trường đã đầu tư phòng máy, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi, hệ thống máy tính cho các phòng làm việc, phòng học; các phần mềm chuyên dụng, máy chiếu Projector ... được trang bị đủ để hoạt động liên tục. Với cơ sở hạ tầng về nhân sự, đường truyền, các phần mềm, thiết bị mạng và máy tính đảm bảo phục vụ tốt cho cán bộ, giảng viên, HSSV trong công tác giảng dạy và học tập.

Diện tích nhà trường đảm bảo được các hoạt động chuyên môn và tập thể. Được phân phối, bố trí, sử dụng một cách hợp lý, khai thác hiệu quả như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... phục vụ tốt cho các hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên, HSSV.

*** Tài chính và quản lý tài chính**

Là một trong những trường được giao tự chủ về tài chính, vì vậy việc đổi mới cơ chế hoạt động và công tác quản lý tài chính của trường đã được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm trên cơ sở tự cân đối các nguồn thu, chi theo hướng tích cực, đảm bảo chủ động trong chi tiêu, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó đưa ra các tiêu chuẩn, chế độ và định mức thu, chi cho các hoạt động chuyên môn, quy định mức thu của các loại dịch vụ tăng thêm từ các nguồn tài chính hợp pháp nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thường xuyên của nhà trường; tuân thủ nghiêm túc quy định trong công tác quản lý các nguồn thu chi, chủ động thực hiện nhiệm vụ tự chủ tài chính, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Công tác quản lý tài chính được xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, phù hợp với các nguyên tắc quản lý tài chính hiện hành, tính công khai, minh bạch được thể hiện rõ qua thông báo tài chính định kỳ, qua Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm. Công tác

phân bổ, sử dụng tài chính luôn đảm bảo tính hợp lý, phục vụ tốt cho chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của trường.

2. Giới thiệu về Khoa Mầm Non

Khoa Mầm non là một khoa trọng điểm, có mục tiêu đào tạo là cung cấp nguồn giáo viên mầm non cho tỉnh nhà. Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non thường xuyên được cập nhật và đổi mới nhằm đảm bảo tính tiên tiến và thực tiễn. Nhiều sáng kiến được đề xuất, nhiều giải pháp được thi hành nhằm nâng cao tính tiên tiến của chương trình đào tạo. Khoa Mầm non đã quan tâm thực hiện nhiều giải pháp để giữ vững và nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh và chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng và giám sát trong, nhằm phát huy tiềm năng của giảng viên trong giảng dạy – nghiên cứu khoa học và sinh viên trong học tập – rèn luyện. Mối liên hệ giữa nhà trường, Khoa Mầm non với các cơ sở thực hành mầm non công lập và tư nhân được duy trì, đã tạo thêm môi trường học tập toàn diện cho sinh viên.

Trường CĐSP Hòa Bình và Khoa Mầm non quyết tâm phát huy mọi nguồn lực chủ quan và khách quan, tiếp tục thi hành các giải pháp hiệu quả đã được kiểm nghiệm, đề xuất thêm sáng kiến mới để vượt qua các khó khăn trước mắt để đưa chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo ngành Giáo dục Mầm non có sự tiến bộ vượt bậc trong quá trình tiếp cận tới chương trình đào tạo tiên tiến.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do BGD&ĐT ban hành thể hiện được các chuẩn đầu ra dành cho sinh viên tốt nghiệp với các yêu cầu bắt buộc về mục tiêu kiến thức, kỹ năng chuyên ngành. Các mục tiêu giáo dục được xây dựng phản ánh rõ sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

1. Mô tả

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, tầm nhìn và sứ mạng của trường luôn được xác định một cách cụ thể, rõ ràng [H1.1.1.1]. Để hoàn thành được sứ mạng, cùng với công tác tuyển sinh, công tác đào tạo (được bắt đầu từ việc xây dựng chương trình đào tạo) luôn được coi là nhiệm vụ trọng yếu, then chốt, là chìa khóa để nhà trường hoàn thành sứ mạng cao cả.

Chương trình đào tạo của tất cả các mã ngành sư phạm trong nhà trường đều được xây dựng dựa trên chương trình khung giáo dục đại học ban hành cho khối ngành sư phạm. Mỗi chương trình của từng ngành đào tạo (*Ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học ...*) đều xác định mục tiêu đào tạo rõ ràng (*Mục tiêu chung. Mục tiêu cụ thể của người giáo viên ở từng cấp học, ngành học về phẩm chất (phẩm chất chính trị, phẩm chất nghề nghiệp); về năng lực (kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm); về thái độ*). Tất cả những mục tiêu này đều được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành GDMN [H1.1.1.2]. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN hiện nay là SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ cao đẳng ngành

GDMN có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến GDMN trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. [H1.1.1.3].

Quy trình xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện bởi các giảng viên, cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong giảng dạy. Nhờ đó về cơ bản chương trình đào tạo của nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học để phục vụ tốt công việc chuyên môn sau khi họ ra trường. [H1.1.1.4].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của chương trình đào tạo của nhà trường đã xác định cụ thể, rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của ngành đào tạo và hướng phát triển của nhà trường đã đề ra.

3. Tồn tại:

Mục tiêu của chương trình đào tạo chưa được điều chỉnh thường xuyên qua từng học kỳ, từng năm học để đáp ứng được đòi hỏi của xã hội trong sử dụng nguồn nhân lực. Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu CTĐT ngành GDMN chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, nhà trường sẽ triển khai việc rà soát, khảo sát, lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động, ý kiến người học về mục tiêu CTĐT của nhà trường cho từng ngành đào tạo; Thực hiện việc xem xét, điều chỉnh mục tiêu và nội dung chương trình, đảm bảo tính cập nhật, đáp ứng những thay đổi trong nhu cầu sử dụng lao động của địa phương.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng và ban hành từ năm 2010, được cập nhật và điều chỉnh năm 2019 [H1.1.2.1]. CĐR được xây dựng chi tiết, rõ

ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; vì vậy giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo.[H1.1.1.2]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo một cách chi tiết, rõ ràng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Tồn tại

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng chưa được điều chỉnh thường xuyên

Chưa xây dựng được Kế hoạch thực hiện và các tiêu chí cụ thể làm cơ sở xác định tính chính xác về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp có thực sự đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã xây dựng trong CTĐT của trường.

Chưa cập nhật thường xuyên những thay đổi về nhu cầu sử dụng lao động của địa phương để có những thay đổi phù hợp về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, nhà trường sẽ triển khai việc khảo sát, lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động, ý kiến người học về chuẩn đầu ra của CTĐT của nhà trường cho từng ngành đào tạo; Thực hiện việc xem xét, điều chỉnh trên tinh thần đảm bảo tính cập nhật, đáp ứng những thay đổi trong nhu cầu sử dụng lao động của địa phương.

Lập kế hoạch và xây dựng các tiêu chí cụ thể để đo năng lực người học sau khi tốt nghiệp có thực sự đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã xây dựng trong CTĐT của trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 4/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Để lấy ý kiến các bên liên quan: Người học, người sử dụng lao động, chuẩn chương trình đào tạo của các mã ngành đều được rà soát định kỳ thông qua phiếu khảo sát lấy ý kiến người học, lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo) cũng như chuẩn đầu ra của từng chương trình [H1.1.3.1];

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các dữ liệu thu thập được từ các phiếu điều tra, lấy ý kiến, nhà trường sẽ nghiên cứu để đề xuất việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và điều chỉnh chương trình đào tạo sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội và được cam kết và công khai trên trang Thông tin điện tử của nhà trường [H1.1.3.2]

Hàng năm, thông qua các đợt thực tập tốt nghiệp, kiến tập, thực hành sư phạm; thông qua hội nghị và các báo cáo của Ban chỉ đạo thực tập các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, nhà trường đã nhận được các ý kiến đóng góp về chất lượng đào tạo của trường. [H1.1.3.3]. CDR của CTĐT được công bố rộng rãi và công khai trên website của Trường. [H1.1.3.2].

2. Điểm mạnh.

Đã quan tâm đến ý kiến của các đơn vị và cá nhân liên quan đến chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo cho các mã ngành

3. Tồn tại

Chưa thường xuyên tiến hành phỏng vấn giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về các chuẩn đầu ra của CTĐT nhà trường đang áp dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 trở đi, nhà trường đặc biệt quan tâm tới việc lấy ý kiến của các đơn vị liên quan để từ đó có cơ sở thay đổi, điều chỉnh chuẩn đầu ra cho từng mã ngành đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội ở từng ngành nghề, nhất là nhóm ngành đào tạo giáo viên trong bối cảnh đang thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Chuẩn đầu ra của ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của người học, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Chuẩn đầu ra được công bố công khai trên website và thông tin đào tạo.

Tiêu chuẩn 1 gồm 03/03 tiêu chí đạt yêu cầu trong đó có 2/3 tiêu chí đạt mức điểm 5/7; 1/3 tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

TIÊU CHUẨN 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm (2012, 2015, 2017, 2020) theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập mong đợi, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp tiếp cận trong dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: *Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành Mầm non có đầy đủ thông tin cần thiết, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan và được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 [H2.2.1.1];
- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 của Quốc hội được thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2014 [H2.2.1.2];
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 của Quốc hội được thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018 [H2.2.1.3];
- Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường cao đẳng [H2.2.1.4];
- Thông tư số 08/2011/TT - BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào

tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng [H2.2.1.5];

- Quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thuộc khối ngành Sư phạm [H2.2.1.6].

Bản mô tả CTĐT được Nhà trường thiết kế dựa trên chương trình khung ngành GDMN của Bộ GD&ĐT [H2.2.1.6] và được cụ thể hóa bằng Quyết định ban hành chương trình đào tạo theo niên chế [H2.2.1.7], Quyết định ban hành chương trình đào tạo theo tín chỉ [H2.2.1.8]. Bản mô tả đã được điều chỉnh, cập nhật quy chế đào tạo cao đẳng theo niên chế vào năm 2015, Quyết định ban hành chương trình đào tạo theo niên chế [H2.2.1.9]. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT như tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo, mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo [H2.2.1.10].

Kết quả điều tra ý kiến của các GV, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của ngành GDMN, SV năm cuối ngành GDMN đã đánh giá bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H2.2.1.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu tiếp cận năng lực về lĩnh vực GDMN.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT.

3. Tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều, chưa có minh chứng về cập nhật thông tin, thông tin phản hồi

từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú, chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT. Tiếp tục cập nhật bản mô tả CTĐT ngành GDMN để cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các môn học hoặc học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả.

- Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như căn cứ chuẩn đầu ra, căn cứ chương trình đào tạo của ngành Mầm non, nhà trường đã lập kế hoạch thực hiện và tổ chức cho các đơn vị chuyên môn nghiên cứu để thiết kế chương trình môn học (*Còn gọi là đề cương chi tiết các học phần*) [H2.2.2.1].

Đề cương chi tiết các học phần khi xây dựng đều phải đảm bảo yêu cầu chung về hình thức, kết cấu và nội dung. Cụ thể, mỗi đề cương chi tiết môn học phải bao gồm 09 mục: (1) Thông tin chung về học phần (2) Mục tiêu học phần- Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, kỹ năng (3) Tóm tắt nội dung học phần (4) Học liệu (5) Nội dung tổng quát và phân phối thời gian (6) Nhiệm vụ của sinh viên (7) Đánh giá kết quả học tập học phần (8) Nội dung chi tiết học phần (9) Phê duyệt.

Đề cương chi tiết các học phần đều được ký duyệt của lãnh đạo khoa, tổ chuyên môn và lãnh đạo trường trước khi triển khai thực hiện.

Các đề cương chi tiết của từng ngành đều được lưu giữ tại khoa/tổ chuyên môn và tại phòng QLĐT&CTHSSV để làm căn cứ thực hiện công tác đào tạo cũng như quản lý, giám sát việc thực hiện đào tạo.

- Hằng năm, nhà trường luôn khuyến khích giảng viên căn cứ vào thực tiễn: Đối tượng người học, nhu cầu xã hội nói chung, những đòi hỏi mới từ phía các nhà trường sử dụng nguồn nhân lực ... để điều chỉnh, đổi mới đề cương chi tiết

các học phần đào tạo sao cho đáp ứng yêu cầu của ngành nghề ở từng thời điểm [H2.2.2.2].

Mặt khác, trong quá trình thực hiện, Nhà trường luôn có sự điều chỉnh CTĐT theo nguyên tắc vừa tuân thủ mục tiêu và nội dung chương trình khung, vừa tuân thủ đúng Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, vừa đáp ứng với đòi hỏi của thực tiễn xã hội ở từng thời điểm. Cùng với việc điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cũng theo đó được đổi mới, bổ sung để cập nhật kiến thức mới, điều chỉnh thời lượng các tiết học cho phù hợp với đối tượng của từng khoá học [H2.2.2.2].

2. Điểm mạnh:

Đề cương các học phần của tất cả các mã ngành đều được xây dựng công phu, khoa học, đầy đủ thông tin.

3. Tồn tại:

Việc cập nhật thông tin mới, việc điều chỉnh đề cương chi tiết học phần hằng năm được thực hiện chưa đồng đều, rộng khắp ở tất cả các học phần.

Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để có những thông tin chính xác phục vụ cho việc điều chỉnh bổ sung các CTĐT, đề cương chi tiết các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 - 2022, nhà trường sẽ có Kế hoạch cụ thể, yêu cầu tất cả các giảng viên rà soát lại đề cương từng học phần do mình phụ trách, loại bỏ những đơn vị kiến thức cũ, lạc hậu; căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông mới và các văn bản hiện hành về đổi mới kiểm tra đánh giá để điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết từng học phần.

Thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục ... để thiết kế, điều chỉnh các CTĐT, đề cương chi tiết các học phần đạt hiệu quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT kèm theo CDR ngành GDMN được Trường CĐSP Hòa Bình ban hành năm 2015, 2017, 2020 [H2.2.3.1], Khoa Mầm non đã công bố công khai cho người học và GV nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của Nhà trường; trong các thông báo của Nhà trường cho CB và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin để các bên liên quan trong và ngoài trường đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và bản đề cương học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Những điều chỉnh đều được cập nhật đầy đủ để CB, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được Hội đồng KHĐT của Khoa cho ý kiến [H2.2.3.2]. CTĐT đi kèm bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối....

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Khoa học, Khảo thí & CTSV, Phòng Tổ chức-thanh tra và ĐBCL, Khoa Mầm non và các tổ chuyên môn có tham gia giảng dạy đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT ngành GDMN (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, PP kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Tồn tại

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu SV chưa tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2021 - 2022, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, GV trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.

Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV. Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu GV, các nhà quản lý giáo dục, lãnh hội tích cực ý kiến các bên quan để tiếp tục phát triển CTĐT.

Điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành GDMN và quốc tế hóa CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

TIÊU CHUẨN 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành Giáo dục Mầm non được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá SV được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các chuẩn đầu ra (CĐR) chung của cả CTDH và các CĐR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành Giáo dục mầm non liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐT ngành GDMN được Khoa Mầm non xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT: Chương trình khung Giáo dục đại học khối ngành Cao đẳng sư phạm, Chương trình khung Giáo dục đại học trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục MN thuộc khối ngành sư phạm [H3.3.1.1]; dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trình độ ngoại ngữ, tin học, vị trí việc làm sau ra trường; ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, ý kiến của người tốt nghiệp [H3.3.1.2].

Chương trình dạy học (CTDH) được xây dựng trên cơ sở CTĐT, được thiết kế dựa vào CĐR. Cấu trúc CTDH bao gồm: khối lượng kiến thức toàn khóa, khối lượng kiến thức riêng (*khối kiến thức GDĐC, khối kiến thức GDCN: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp, học phần thay thế TN hoặc khóa luận*). Khung CTĐT (bản kế hoạch đào tạo) thể hiện toàn bộ kế hoạch đào tạo cho toàn khóa học, bao gồm mã số học phần, tên học phần, thời lượng thực hiện, học kì thực hiện (được nhóm theo khối kiến thức: khối kiến thức chung,

khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành (bắt buộc và bổ trợ). Kế hoạch dạy học đã mô tả được chi tiết cách xác định các học phần sẽ thực hiện trong từng năm học (mã số học phần, tên học phần, thời lượng) theo nguyên tắc đảm bảo sự sắp xếp hợp lí, trình tự, điều kiện tiên quyết, cân đối tổng thời lượng cho từng năm. Mô tả tóm tắt các học phần bao gồm mã số học phần, thời lượng, tóm tắt học phần, đơn vị thực hiện. Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn phù hợp với CĐR của CTĐT và CĐR của học phần cũng như điều kiện thực tiễn. Phương pháp kiểm tra đánh giá được xác định rõ thời lượng, thời gian lên lớp và số lượng điểm cần đạt ở mỗi học phần, phương thức kiểm tra đánh giá đáp ứng và phù hợp với CĐR và học phần đào tạo.

Ngành GDMN trình độ CĐ, thời gian đào tạo là 3 năm, 6 học kì. Để thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *khối kiến thức GDĐC, khối kiến thức GDCN (kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp)*. Theo đó, nội dung CTĐT của ngành GDMN được thiết kế gồm các khối kiến thức sau: Khối kiến thức giáo dục đại cương (*chiếm 16,94 %*); khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (*Chiếm 83,06%*) [H3.3.1.3].

Cụ thể:

Bảng 3.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTDH

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương (<i>chưa kể các HP GDTC và GDQP-AN</i>)	17	00	17	20.7%
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp				
2.1.	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	08	00	08	9.7%
2.2.	<i>Kiến thức, kĩ năng chuyên ngành</i>	48	00	48	58.5%

2.3	<i>Kiến thức bổ trợ (tự chọn)</i>	0	11	11	
2.4	<i>Khối kiến thức, kỹ năng NVSP</i>	9	00	9	11.1%
4	Tổng	82	11	93	100

CTDH được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo chi tiết, bao gồm: (1) Thông tin chung về học phần (2) Mục tiêu học phần-Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, kỹ năng (3) Tóm tắt nội dung học phần (4) Học liệu (5) Nội dung tổng quát và phân phối thời gian (6) Nhiệm vụ của sinh viên (7) Đánh giá kết quả học tập học phần (8) Nội dung chi tiết học phần (9) Phê duyệt.

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành GDMN đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CDR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình.[H1.1.1.2].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CDR của ngành Giáo dục mầm non có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Nhờ vào bảng phân nhiệm giảng dạy và trình độ năng lực giữa các học phần và CDR nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học không chồng chéo giữa các học phần. Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp người học phát triển toàn diện với các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó; giúp CTĐT được xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn;

các công đoạn quá trình đào tạo có tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CTĐT với chuyên tải và đánh giá hiệu quả giáo dục đại học (GDDH), góp phần nâng cao chất lượng GDDH.

3. Tồn tại

CTDH trước 2017 khi thiết kế chưa bám sát triệt để CĐR nên khi thực hiện CTĐT còn chông chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học, chưa cụ thể hóa các mục tiêu và năng lực cần đạt sau khi kết thúc học phần. Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong nhiều học phần thuộc CTĐT cần phù hợp hơn với yêu cầu của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Mầm non tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành GDMN, cụ thể là so sánh đôi chiều các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CĐR thông qua Ma trận trình độ năng lực và Ma trận mức độ giảng dạy (ITU), đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 3.2: *Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được chuẩn đầu ra.*

1. Mô tả

Trên cơ sở chương trình khung ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non tham khảo của Bộ GD&ĐT [H3.3.1.1], nhà trường đã xây dựng CTDH cụ thể cho ngành Giáo dục mầm non và tổ chức cho khoa Mầm non cùng các đơn vị chuyên môn có liên quan nghiên cứu để thiết kế chương trình chi tiết của từng học phần [H1.1.1.2]. Dựa vào chương trình khung, các tài liệu tham khảo và hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT, các nhóm, tổ chuyên môn đã phân công giảng viên cụ thể xây dựng dự thảo đề cương chi tiết, sau đó tổ chức họp để góp ý điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện đề cương chi tiết chính thức từng học phần phù hợp với CĐR của CTDH và với phương thức đào tạo của nhà trường. [H2.2.2.2]

Đề cương chi tiết học phần ngành Giáo dục mầm non được ban hành năm 2012, được chỉnh sửa, bổ sung năm 2015 và được xây dựng chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ [H1.1.1.2]. Theo đó đề cương chi tiết của tất cả các học phần, đều đã được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với CTDH theo CĐR hiện hành.

Các học phần trong CTĐT ngành GDMN có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra [H1.1.2.1]. Trong tất cả các đề cương chi tiết học phần, đều có phần mục tiêu được mô tả cụ thể. CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể thông qua mục tiêu của các học phần đó.

Những học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương chung cho ngành sư phạm như Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và đào tạo, ... giúp người học có hiểu biết về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh và chế độ xã hội của đất nước, về ngành học và quản lý ngành học; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục, phù hợp với yêu cầu của CĐR. Bên cạnh đó, học phần Tiếng Anh cũng giúp người học đạt CĐR về ngoại ngữ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Những học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Mỹ thuật, Âm nhạc và múa cung cấp những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học, là nội dung học tập mà người học phải nắm vững để tìm hiểu được kiến thức chuyên ngành, tạo điều kiện cho người học đạt được CĐR.

Ở khối kiến thức chuyên ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với phần kiến thức bắt buộc và phần kiến thức bổ trợ (tự chọn). Những học phần trong khối kiến thức này như Vệ sinh- Dinh dưỡng, Tổ chức hoạt động vui chơi, Tổ chức hoạt động tạo hình, Phương pháp làm quen với văn học, Phương pháp làm quen với toán, Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh, Tin học, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục... cung cấp cho người học

hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết để lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.

Ở khối kiến thức thực tập nghề nghiệp, người học được tiếp cận thực tế ở trường mầm non qua các đợt kiến tập sư phạm, thực hành Sư phạm, thực tập sư phạm và thực tập cuối khóa. Đây là cơ hội để người học thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy. Qua các đợt kiến tập, thực hành, thực tập này ngoài việc được thực hành dạy học một số môn học, người học còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai, nhờ đó đạt được các yêu cầu của CĐR.

CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ kiến thức chung đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR.

CTDH được thiết kế thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá người học góp phần hỗ trợ việc đạt được các CĐR. 100% các học phần trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR

2. Điểm mạnh

Do có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết từng học phần cụ thể, nên nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Đặc biệt, các học phần đều đảm bảo người học tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành và làm việc trong lĩnh vực sư phạm mầm non. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTĐT của giảng viên, bao gồm phân tiết, giáo án, sổ điểm được giảng viên lưu trữ và bảo quản. Hằng năm, Nhà trường tiến hành giám sát và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giảng viên.

3. Tồn tại

Một số nội dung của các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành còn có nhiều kiến thức lý thuyết mà ít mang tính ứng dụng thực tiễn, mặt khác giảng viên lại chọn phương pháp giảng dạy chính là thuyết trình nên SV dễ nảy sinh tâm lý chán nản, thiếu sự hứng thú trong quá trình học tập. Nội dung của một số học phần chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường sẽ cùng hội đồng KHĐT tổ chức kiểm tra, rà soát chương trình chi tiết của các học phần và tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức, đồng thời xác định những nội dung cần bổ sung, điều chỉnh để đề xuất những thay đổi phù hợp và cập nhật kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 3.3. *Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.*

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H1.1.1.2].

CTDH ngành GDMN được xây dựng dựa trên CDR của ngành. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành GDMN gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành GDMN được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 3 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần;

thời điểm/học kì thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy trên từ 1 đến học kỳ 6 để trang bị kiến thức nền tảng cho người học. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong.. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của trường và Khoa, Tổ.

Từ năm 2017, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao [H3.3.3.1]. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức chung, và kiến thức chuyên ngành. CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất một năm một lần [H2.2.2.2].

Đặc biệt, ngành GDMN đã thiết kế được một quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm mang tính đặc thù riêng của ngành đào tạo [H3.3.3.2]. Trường đã xây dựng được một mạng lưới các trường thực hành trong trường, địa bàn thành phố Hòa Bình, đáp ứng nhu cầu và chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDMN.

Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CĐR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, người học và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Ngoài ra, còn có những nhận xét chương trình của nhà quản lý giáo dục, đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành GDMN . [H1.1.3.1].

Để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng GVMN, Khoa luôn chú ý tổ chức các buổi seminar khoa học cung cấp thêm cho người học những thông tin về sự thay đổi của ngành GDMN. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành GDMN, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp thông qua hội đồng Khoa, để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. [H2.2.2.2].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần Môn chung, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ Cao đẳng và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành GDMN.

3. Tồn tại

Trong quá trình thực hiện chương trình, giảng viên ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, rà soát nội dung CTDH và so sánh với tuyên bố CĐR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy, điều chỉnh về nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với tuyên bố của CĐR đối với học phần Thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành GDMN được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của trường chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức môn chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong học tập. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành GDMN trong khu vực và trên cả nước. CTDH thể hiện được năng lực của SV sau khi tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

TIÊU CHUẨN 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, cao đẳng phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ngành Giáo dục mầm non, cũng như các ngành khác trong trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTDH, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTDH xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quyết định công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường CĐSP Hòa Bình. Nhà trường đã xác định sứ mạng là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục ở các bậc mầm non, tiểu học và THCS; đồng thời liên kết đào tạo trình độ đại học cho đội ngũ giáo viên và CBQL các cấp; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực giáo dục của tỉnh Hòa Bình. [H4.4.1.1].

Các nội dung sứ mạng, tầm nhìn được thể hiện rõ qua các CTDH, đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần ngành Giáo dục mầm non được ban hành theo Quyết định số 371/QĐ-CĐSP ngày 06/8/2012 của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình, được chỉnh sửa, bổ sung theo Quyết định số 209/QĐ-CĐSP ngày 06/8/2015 và được xây dựng chuyên đổi sang hệ thống tín chỉ theo quyết

định số 544/QĐ-CĐSP ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình. Đề cương chi tiết từng học phần được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Nhà trường, hướng tới mục tiêu giáo dục lấy người học làm trung tâm, tăng tính tương tác giữa người dạy và người học, tăng tính chủ động của người học thông qua việc tăng thời lượng thảo luận, tự học, thực hành [H4.4.1.2]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTDH, và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội.

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTDH, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học. Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục được phổ biến tới SV trong các tuần sinh hoạt công dân dành cho tân SV các khóa. Ở Khoa, các em được giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của Khoa. [H4.4.1.3]

Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTDH, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra của môn học và tiêu chí đánh giá. [H4.4.1.4].

Nhà trường cũng đã thiết kế phiếu khảo sát để xin ý kiến góp ý của các nhà sử dụng lao động cho CTDH của ngành Giáo dục Mầm non. [H1.1.3.1]

Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTDH ngành Giáo dục mầm non được công khai trên website của nhà trường. [H1.1.3.2].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành Giáo dục mầm non được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và SV. Mục tiêu này đã được một số nhà quản lý tại các cơ quan tuyển dụng (các trường mầm non công lập, tư thục) góp ý, tham gia xây dựng.

3. Tồn tại

Mục tiêu đào tạo của ngành Giáo dục mầm non chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, nhà trường sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTDH và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 4.2. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhà trường khuyến khích các đồng chí giảng viên chủ động thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với đặc trưng bộ môn, với đối tượng SV và quan trọng nhất là qua từng hoạt động dạy học đều góp phần thực hiện chuẩn đầu ra đã ban hành. Nhờ đó, các đồng chí giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm môn học, số lượng SV và đối tượng người học. Nếu lớp đông SV (> 70 sv – thường là lớp học ghép các môn thi chung), giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình và làm việc nhóm, hình thức thi hết môn thường là thi viết; nếu lớp ít SV, học các môn kiến thức Cơ sở ngành và chuyên ngành, giảng viên có thể điều chỉnh phương pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar, hình thức thi có thể là vấn đáp hoặc thực hành. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiện thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. [H4.4.1.2]

Hoạt động Thực tập thực tế: Đây là một phần bắt buộc của chương trình đào tạo, gồm 4 học phần: Kiến tập Sư phạm (02 ĐVHT), SV được học ngay từ học kỳ II của năm thứ nhất tại các trường mầm non; Thực hành Sư phạm (04 ĐVHT), SV được thực hành kiến thức của các môn học chuyên ngành và thời gian trải đều từ năm thứ nhất đến năm thứ ba; Thực tập Sư phạm (04 ĐVHT), SV được học vào học kỳ IV tại các trường mầm non; Thực tập cuối khóa (09 ĐVHT), SV thực tập tại các trường mầm non vào học kỳ VI của khóa học. Các học phần thực hành, thực tập nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình

thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đều đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và cơ sở vật chất của chuyên ngành Giáo dục mầm non. Việc thực hành, thực tập của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được giảng viên phụ trách thực hành, thực tập và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn. [H4.4.2.1] ; [H4.4.1.2]

Các hoạt động ngoại khóa: Để có được thái độ đúng đắn với con người, với xã hội, SV được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng đồng và ngoại khóa để hỗ trợ học tập. [H4.4.2.2].

Giảng viên khoa Mầm non tích cực tham gia chủ trì thực hiện các đề tài NCKH cấp trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. [H4.4.2.3]. Cán bộ GV khoa Mầm non tham gia hiệu quả các hội thảo, tập huấn từ cấp bộ môn trở lên. [H4.4.2.4]. Ngoài ra hàng năm GV của khoa đăng kí dự giờ, thanh tra chuyên môn, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp trường để trao đổi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy. [H4.4.2.5].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch hàng năm của Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối năm. [H4.4.2.6].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động thực tế, thực tập hoặc các hoạt động cộng đồng đa dạng. Các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Tồn tại

Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV (sắp xếp, kê bàn ghế để học nhóm,

học thực hành); phòng học có máy chiếu đa năng còn ít nên việc đăng ký giảng dạy các giờ học ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, nhà trường sẽ sắp xếp, bố trí một số phòng học chuyên dùng cho các môn học có tính chất đặc thù, đồng thời bố trí các phòng học có máy chiếu đa năng để giảng viên có thể giảng dạy được tối đa các giờ dạy có ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 4.3. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDMN [H4.4.1.2] thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Hoạt động thực hành, thực tập đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể; kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội có liên quan. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. [H4.4.3.1]

Mặt khác, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp của các em. [H4.4.2.2]

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát các nguồn học liệu, tài liệu giáo trình, nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện của trường từ đó hình thành văn hoá đọc trong SV. [H4.4.3.2].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, sinh viên năm cuối về chất lượng CTĐT để giúp khoa có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học. Ngoài ra khoa cũng tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành GDMN.[H4.4.2.6]; [H1.1.3.1]; [H4.4.3.3].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu việc làm. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên của khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Tồn tại

Một số SV chưa có động cơ học tập phù hợp vì vậy nảy sinh tâm lý học đối phó, học chỉ để có điểm cao hoặc học cho thi qua môn học mà chưa chú trọng đến việc học để có kiến thức, kỹ năng cần thiết (điều này thể hiện rõ khi SV đi thực tập tại các trường mầm non, một số SV bị đánh giá còn hạn chế cả về kiến thức và các kỹ năng mềm). Ở một số học phần, việc đánh giá kết quả học tập của SV còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác. Bên cạnh đó, phòng học cơ sở vật chất không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm và gây ảnh hưởng đến quá trình tương tác của giảng viên với SV (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, nhà trường sẽ kiến nghị với các đồng chí giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân

tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,...” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV. Mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn kỹ năng mềm cho SV ngay từ những kỳ đầu tiên của khóa học và phối hợp với khoa, với giáo viên chủ nhiệm để khuyến khích các em tham gia.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, nhà trường sẽ cố gắng bố trí phòng học bàn ghế có thể di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và SV.

Đối với hoạt động ngoại khóa, nhà trường nên tổ chức cho sinh viên đi tham quan học tập tại các cơ sở giáo dục Mầm non theo các mô hình tiên tiến, hiện đại trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để sinh viên nắm bắt được các chương trình giáo dục mầm non được tổ chức theo các phương pháp mới.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTDH đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành giúp SV có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV. Một số SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng. Việc đánh giá kết quả học tập của SV còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Tiêu chuẩn 4 gồm 03/03 tiêu chí đạt yêu cầu trong đó có 3/3 tiêu chí đạt mức điểm 5/7.

TIÊU CHUẨN 5

TUYỂN SINH VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trong 5 năm qua (từ năm 2016 đến năm học 2020), trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Hòa Bình đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể, luôn được công bố công khai và cập nhật theo từng năm. Phương pháp tuyển sinh được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các văn bản tuyển sinh, được xác định rõ ràng và được đánh giá theo từng năm. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, đề cương môn học và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV dễ dàng tiếp cận. Chế độ chính sách và các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; các dịch vụ hỗ trợ người học được thực hiện đầy đủ, một cách kịp thời, thường xuyên. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan nhà trường sạch đẹp, an toàn, tiện ích, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tạo sự thoải mái cho cá nhân người học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quy trình tuyển sinh của nhà trường được thực hiện theo quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo hàng năm [H5.5.1.1]. Về cơ bản, quy trình tuyển sinh gồm các bước sau:

(1) Xây dựng đề án (bắt đầu thực hiện từ 2015 đến nay). Đề án tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin tuyển sinh của trường và cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.5.1.1] [H5.5.1.2]

(2) Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Giáo dục và đào tạo [H5.5.1.1]

(3) Ra thông báo tuyển sinh và đăng tại Webservice của nhà trường (cdsphoabinh.edu.vn) [H5.5.1.2]

(4) Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh

(5) Tổ chức tuyển sinh theo lịch của Bộ Giáo dục và đào tạo

- Thi tuyển

- Xét tuyển

- Ra quyết định trúng tuyển [H5.5.1.3]

(6) Gọi sinh viên nhập học

Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh, quy trình xét tuyển được xác định và ghi trong Thông báo tuyển sinh/xét tuyển của nhà trường [H5.5.1.2]; công bố trên website của nhà trường [H1.1.3.2], dán tại bảng tin; giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông của tỉnh Hòa Bình do nhà trường tổ chức. Chính sách tuyển sinh của nhà trường được thay đổi: từ hình thức thi tuyển theo lịch thi chung từng khối của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2014 trở về trước) sang hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia (năm 2015) và từ năm 2016 đến nay thực hiện theo cả hai hình thức: xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét tuyển theo học bạ [H5.5.1.2] sự thay đổi về chính sách tuyển sinh, kết quả tuyển sinh hàng năm luôn được cập nhật và công bố rộng rãi trên cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường [H5.5.1.3]. Chính sách tuyển sinh của nhà trường nhằm mục đích lựa chọn được những thí sinh đủ phẩm chất và năng lực để cung cấp nguồn giáo viên các bậc học từ mầm non tới THCS cho tỉnh Hòa Bình và các tỉnh lân cận.

Số lượng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tuyển mới	152	122	69	70	222
Tốt nghiệp	309	104	112	93	62

Bảng 1: Số liệu tuyển sinh và tốt nghiệp ngành Mầm non trong 5 năm gần đây

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của nhà trường mang tính lượng hóa, quy định về số điểm trúng tuyển, tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, giúp cho nhà trường có thể đánh giá năng lực thí sinh từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật

thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

3. Tồn tại

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của nhà trường vẫn còn một số tồn tại:

- Trước năm 2015, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo vùng, theo địa chỉ, dẫn đến tình trạng chất lượng đầu vào không đồng đều, có sự chênh lệch nhiều về trình độ thí sinh giữa các vùng.

- Hình ảnh và thông tin về ngành học, đơn vị đào tạo chưa hấp dẫn và chi tiết;

- Trước năm 2016, công tác tuyên truyền tuyển sinh của nhà trường thực hiện chưa tốt, các hình thức công bố về chính sách tuyển sinh của nhà trường còn bó hẹp ở cổng thông tin tuyển sinh trên website của nhà trường và thông báo tuyển sinh dán trên bảng tin;

4. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học tới, nhà trường cần chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, giảng viên của nhà trường thực hiện một số công việc như sau:

- Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh;

- Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn..., mỗi giảng viên trong trường phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về nhà trường và các chuyên ngành đào tạo, từ đó người học, người tham gia tập huấn sẽ có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về nhà trường và họ sẽ là những người trực tiếp truyền thông về các chuyên ngành đào tạo của trường;

- Thực hiện hiệu quả các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông của tỉnh Hòa Bình

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo ban tuyển sinh có chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 6/7

Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả.

- Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo đều đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định. Theo đó mỗi bản mô tả Chương trình đào tạo của trường đều đảm bảo:

+ Cấu trúc chung: (1) Trình độ đào tạo (2) Ngành đào tạo (3) Mã ngành (4) loại hình đào tạo (5) Mục tiêu đào tạo: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về phẩm chất, năng lực chuyên môn (6) Thời gian đào tạo (7) Khối lượng kiến thức phải tích lũy (8) Đối tượng tuyển sinh (9) Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (10) Thang điểm (11) Nội dung và khung chương trình đào tạo

+ Khung chương trình đào tạo của từng ngành đều được phân định rõ các học phần thuộc (1) Khối kiến thức giáo dục đại cương chung (2) Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân định cụ thể các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, các học phần kiến thức chuyên ngành, các học phần bổ trợ (tự chọn), thực tập nghề nghiệp [H5.5.2.1]

- Trên cơ sở các chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như căn cứ chuẩn đầu ra, căn cứ chương trình đào tạo của từng ngành nghề, nhà trường đã lập kế hoạch thực hiện và tổ chức cho các đơn vị chuyên môn nghiên cứu để thiết kế chương trình môn học (*Còn gọi là đề cương các học phần*).

+ Đề cương các học phần của tất cả các mã ngành khi xây dựng đều đảm bảo cấu trúc chặt chẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, bao gồm 13 mục: (1) Tên học phần (2) Số đơn vị học trình (3) Tên ngành đào tạo (4) Thời điểm thực hiện (5) Phân bổ thời gian (6) Điều kiện tiên quyết (7) Mục tiêu của học phần (8) Mô tả văn tắt nội dung học phần (9) Nhiệm vụ của sinh viên (10) Tài liệu học tập: Giáo trình chính, Tài liệu tham khảo (11) Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên (12) Thang điểm (13) Nội dung chi tiết học phần.

+ Đề cương chi tiết các học phần của từng ngành đều được phê duyệt, đóng quyển lưu 01 bộ tại phòng ĐT-KT-KH & CTSV, 01 bộ tại các khoa tổ chuyên môn. Chương

trình môn học là căn cứ để giám sát việc thực hiện chương trình giảng dạy của giảng viên ở tất cả các hệ đào tạo. [H5.5.2.2].

+ Hằng năm, nhà trường luôn khuyến khích giảng viên căn cứ vào thực tiễn: Đối tượng người học, nhu cầu xã hội nói chung, những đòi hỏi mới từ phía các nhà trường sử dụng nguồn nhân lực ... để điều chỉnh, đổi mới đề cương chi tiết các học phần đào tạo sao cho đáp ứng yêu cầu của ngành nghề ở từng thời điểm [H5.5.2.3].

- Đầu mỗi khóa học, mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức Tuần học Giáo dục công dân cho toàn thể HSSV toàn trường. [H4.4.1.3]. Trong rất nhiều nội dung phổ biến tới người học vào đầu khóa học, đầu năm học theo quy định, có một nội dung luôn được nhà trường quan tâm thông báo tới HSSV: Thông tin về Chương trình đào tạo của khóa học với mục đích cung cấp cho người học cái nhìn đầy đủ về chương trình đào tạo toàn khóa, giúp các em biết những đơn vị kiến thức mà họ phải thực hiện để từ đó xác định kế hoạch và động cơ học tập đúng đắn.

+ Thông tin về Chương trình đào tạo của từng ngành nghề cũng được các khoa phổ biến ngay sau khi sinh viên đến nhận lớp và giáo viên chủ nhiệm.

+ Các thông tin chung về Chương trình đào tạo được công bố công khai trên Trang Web của nhà trường để người học có thể tìm hiểu, tra cứu mỗi khi cần thiết. [H1.1.3.2]

+ Nhà trường cũng yêu cầu cụ thể với từng giảng viên khi lên lớp: Ngay trong tiết dạy đầu tiên của học phần phải giới thiệu đầy đủ Đề cương chi tiết học phần cho người học nắm rõ, giới thiệu kỹ về các tài liệu giáo trình mà người học cần tìm hiểu để HSSV nắm được [H5.5.2.2]

2. Điểm mạnh:

- Bản mô tả chương trình đào tạo của các ngành đều đảm bảo theo quy định chung, chi tiết, đầy đủ, khoa học.

- Đề cương các học phần của tất cả các mã ngành đều được xây dựng công phu, khoa học, đầy đủ thông tin.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đào tạo được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Tồn tại:

- Tuy nhiên, chương trình đào tạo chưa thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung mà còn bị bó khuôn theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định.

- Việc cập nhật thông tin mới, việc điều chỉnh đề cương chi tiết học phần hằng năm được thực hiện chưa đồng đều, rộng khắp ở tất cả các học phần. Nhiều giảng viên còn ngại thay đổi, chưa chủ động tư duy.

4. Kế hoạch hành động

- Xây dựng Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của các nhà quản lý giáo dục tại các nhà trường, các phòng Giáo dục Đào tạo các huyện thị trong tỉnh; thông qua Chương trình Giáo dục Phổ thông mới và các văn bản Giáo dục hiện hành để điều chỉnh Chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu đổi mới Giáo dục hiện tại.

- Có Kế hoạch cụ thể, yêu cầu tất cả các giảng viên rà soát lại đề cương từng học phần do mình phụ trách, loại bỏ những đơn vị kiến thức cũ, lạc hậu; căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông mới và các văn bản hiện hành về đổi mới kiểm tra đánh giá để điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết từng học phần.

- Tiếp tục làm tốt việc công bố Chương trình đào tạo, đề cương các học phần đào tạo để người học biết và thực hiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 6/7

Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên

1. Mô tả:

Để thực hiện nhiệm vụ công tác tuyển sinh hệ chính quy và thực hiện các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã được phê duyệt, hàng năm nhà trường Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hệ chính quy [H5.5.3.1].

Trên cơ sở Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tuyển sinh nhà trường căn cứ để thực hiện công tác tuyển sinh; ban hành Thông báo tuyển sinh; hướng dẫn người học đăng ký thông qua phiếu đăng ký xét tuyển, thi tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như: ưu tiên theo đối tượng; các đối tượng được xét tuyển thẳng; Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng

được ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ, TCSP; chính sách ưu tiên theo khu vực; khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực[H5.5.3.2].

Chính sách hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên, đối với người học thuộc diện đối tượng chính sách được nhà trường thông tin đầy đủ thông qua Thông báo tuyển sinh và đăng tại Webside của nhà trường (cdsphoabinh.edu.vn) [H5.5.3.3].

Trong quá trình theo học tại nhà trường, người học là các đối tượng thuộc diện chính sách: sinh viên người dân tộc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh viên có hộ khẩu tại vùng đặc biệt khó khăn, sinh viên học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, thuộc gia đình chính sách... được hưởng các chế độ: chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội, ưu đãi trong giáo dục và đào tạo, vay vốn học sinh sinh viên theo quy định[H5.5.3.4].

Ngoài ra, sinh viên thuộc đối tượng hưởng chế độ chính sách còn được ưu tiên trong xét hưởng học bổng từ nguồn tài trợ, khen thưởng từ quỹ khuyến học, quỹ thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Trường CĐSP Hòa Bình, các dịp tặng quà vì mục đích nhân đạo, từ thiện.

2. Điểm mạnh:

- Việc các chính sách ưu tiên tuyển sinh được thực hiện đúng quy định.
- Công tác hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đảm bảo đúng đối tượng ưu tiên.

3. Tồn tại: Nguồn kinh phí hạn chế, nên công tác hỗ trợ với người học thuộc đối tượng ưu tiên còn gặp nhiều khó khăn mới chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ thuộc diện đối tượng chính sách.

4. Kế hoạch hành động

- Xây dựng Kế hoạch khảo sát, tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của HSSV.
- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tạo thêm nguồn lực hướng tới thực hiện tốt công tác hỗ trợ với người học thuộc đối tượng ưu tiên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 4/7

Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn giảm học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh sinh viên sư phạm.

1. Mô tả

Phòng ĐT-KT-KH &CTSV&Công tác học sinh sinh viên là đơn vị hành chính có chức năng tham mưu cho nhà trường trong việc thực hiện đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho HSSV [H5.5.4.1].

Các văn bản, quy định liên quan đến chế độ, chính sách của người học luôn được cập nhật kịp thời, quán triệt và phổ biến thông qua tuần Sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa học, thông báo bằng văn bản đến các khoa, thông qua hệ thống bảng tin; đăng tải trên website; sổ tay HSSV nhằm đảm bảo quyền lợi của HSSV theo đúng quy định [H4.4.1.3]. Quyết định và danh sách HSSV được hưởng các chế độ chính sách xã hội được nhà trường thông báo công khai tại bảng tin và website của nhà trường. Việc thực hiện các chế độ chính sách đảm bảo rõ ràng, đúng quy định, không có thắc mắc, khiếu nại. Trong 5 năm qua, nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách xã hội cho HSSV với số lượng như sau:

TT	Năm	Số lượt hưởng chế độ chính sách
1	2016	468
2	2017	324
3	2018	148
4	2019	175
5	2020	120

Bảng 2: Thống kê số lượng HSSV hưởng các chế độ chính sách [H5.5.3.4] ; [H5.5.4.2]

2. Điểm mạnh

- Công tác phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách cho HSSV được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng quy định.
- Đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho HSSV.

3. Tồn tại

- Từ học kỳ II, năm học 2016 - 2017 chưa thực hiện được chế độ học bổng cho HSSV do ngân sách và nguồn thu hạn chế.

- Chưa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của HSSV.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục đề xuất việc thực hiện chế độ học bổng cho HSSV; tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của HSSV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học.

1. Mô tả

Trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt ngoại khóa..., người học luôn nhận được sự tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả từ các thầy cô giáo, các phòng ban khoa tổ, các đoàn thể trong nhà trường. Trong ngày đón tiếp sinh viên khóa mới nhập học, nhà trường chuẩn bị những văn bản như kế hoạch tổ chức chương trình chào đón tân sinh viên, giới thiệu tổng quan về nhà trường để người học biết được địa chỉ của các đơn vị phòng ban chức năng, thông tin hoạt động Đoàn - Hội, giao lưu hỏi - đáp giữa các thầy cô giáo là giảng viên, giáo viên có kinh nghiệm trong giảng dạy và kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp. Đối với những sinh viên khóa mới, sau một tháng học tập, nhà trường có kế hoạch để Lãnh đạo các khoa tổ chức cuộc gặp mặt tân sinh viên của khoa để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với việc học tập, phương pháp học tập và rèn luyện tốt nhất [H5.5.5.1].

Hàng năm, vào đầu năm học, nhà trường tổ chức tuần “sinh hoạt công dân - HSSV” cho 100% học sinh, sinh viên trong nhà trường. Nhà trường đã tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lý của nhà trường để có thể làm hài lòng người học [H4.4.1.3]. Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, cố vấn học tập đã tư vấn và hướng dẫn cho những sinh viên gặp khó khăn trong việc học tập, phải tạm dừng học tập, bảo

lưu kết quả học tập hoặc thôi học.... Khi sinh viên đi kiến tập, thực tập, phòng ĐT-KT-KH & CTSV cùng với lãnh đạo Khoa, Trưởng bộ môn đã phân công cán bộ giảng viên của bộ môn liên lạc và đưa sinh viên đi kiến tập, thực tập tại các cơ sở [H5.5.5.2]. Giảng viên hướng dẫn sinh viên đi thực tập, thực tế là những cán bộ có kinh nghiệm thực hành, quản lý sinh viên và có mối quan hệ thân tình với các cơ sở tiếp nhận sinh viên đến thực tập.

Hàng năm, nhà trường tổ chức ngày hội việc làm, mời các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội tham gia, giới thiệu với sinh viên những vị trí, cơ hội việc làm [H5.5.5.3]. Nhà trường cũng đã thành lập Ban tư vấn hỗ trợ cho HSSV khởi nghiệp; Câu lạc bộ khởi nghiệp kinh doanh [H5.5.5.4]

Ngoài các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, thực tập thực tế, tìm kiếm việc làm, nhà trường đã chỉ đạo Phòng Chính trị - Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên. Cụ thể:

Đã tổ chức và phối hợp tổ chức các hội thi tìm hiểu về lịch sử, các cuộc thi, tọa đàm, giao lưu ... nhằm tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục truyền thống cho HSSV [H5.5.5.5]. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, gắn với phong trào: “sinh viên với an toàn giao thông, nhà trường không có ma túy, an toàn về an ninh trật tự” được quan tâm thường xuyên [H5.5.5.6]. Ngoài ra, HSSV trong nhà trường còn được tham gia rất nhiều các hoạt động khác trong và ngoài nhà trường như: các hội thi, các cuộc phát động, giao lưu văn hóa văn nghệ - TDTT với các đơn vị khác trên địa bàn thành phố Hòa Bình ... [H5.5.5.7].

2. Điểm mạnh

- Có đầy đủ thông tin về lịch sử phát triển của nhà trường, của các khoa;
- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn của người học liên quan đến lựa chọn học phần trong chương trình đào tạo, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế;
- Người học được tiếp cận và sử dụng một cách hiệu quả sự trợ giúp, giúp đỡ trong học tập - rèn luyện của các thầy cô giáo, của các phòng ban, của các đoàn thể trong nhà trường.

3. Tồn tại

Sự tư vấn, hướng dẫn những sinh viên có năng lực vượt trội chưa được quan tâm và thực hiện một cách liên tục, dẫn đến tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn chưa đạt được tỉ lệ cao nhất. Nguyên nhân khiến người học bị quá hạn thời gian đào tạo chưa được tìm hiểu và đánh giá một cách khách quan. Các biện pháp tháo gỡ vấn đề này không mang tính đồng bộ dẫn đến tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

4. Kế hoạch hành động

Để cải tiến được những tồn tại nêu trên, trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường sẽ yêu cầu phòng ĐT-KT-KH &CTSV và công tác HSSV và giáo viên chủ nhiệm của các khoa thực hiện các giải pháp sau:

1. Lập danh sách những sinh viên có khả năng học vượt, đăng ký học thêm ngành học để tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của những SV này;
2. Điều chỉnh việc phân bổ các môn học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học vượt, sớm, học thêm chuyên ngành hoàn thành CTĐT;
3. Điều tra, đánh giá nguyên nhân khiến cho SV quá hạn thời gian học tập;
4. Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động hỗ trợ SV học tập, nghiên cứu, rèn luyện, tìm kiếm việc làm ngày càng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định văn hóa công sở trong đó nhấn mạnh đến sự ứng xử thầy trò, quy định đối với trang phục, đeo thẻ sinh viên và cán bộ nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường [H5.5.6.1]. Công tác An ninh, trật tự luôn được Đảng ủy và Ban giám hiệu nhà trường quan tâm; hệ thống tường bao xung quanh nhà trường luôn được đảm bảo. Bên cạnh đó, các hoạt động VHVN - TDTT cũng được tổ chức định kỳ và thường xuyên, tạo môi trường vui tươi, lành mạnh cho học sinh, sinh viên học tập [H5.5.6.2]; Các câu lạc bộ, đội nhóm SV thường xuyên được duy trì giúp học sinh, sinh viên có môi trường để học tập và rèn luyện [H5.5.6.3]. Thư viện nhà trường với

hệ thống giáo trình, tài liệu tương đối đầy đủ giúp HS, SV có thể yên tâm học tập, nghiên cứu.

Đầu mỗi khóa học, nhà trường giao cho phòng ĐT-KT-KH &CTSV và công tác HSSV xây dựng chi tiết Kế hoạch đào tạo [H5.5.6.4] và Biên chế năm học [H5.6.6.5]. Trên cơ sở đó, các khoa phối hợp với phòng ĐT-KT-KH &CTSV và công tác HSSV giám sát chặt chẽ việc thực hiện tiến độ chương trình đào tạo trong từng học kỳ, từng năm học, khóa học [H5.5.6.6].

Kế hoạch học tập được thông báo cụ thể đến từng SV ngay từ đầu khóa và đầu các năm học, cụ thể: đầu năm học nhà trường ban hành kế hoạch học tập và triển khai xuống các khoa; các khoa có trách nhiệm triển khai xuống các lớp. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo của năm, khoa tiến hành bố trí, sắp xếp thời khóa biểu từng tuần và có sự điều chỉnh một cách linh hoạt, theo biên chế năm học.

Giáo viên bộ môn luôn sát sao, là cầu nối cung cấp thông tin giúp người học có điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện chương trình, cụ thể: đầu mỗi học phần, bao giờ giáo viên bộ môn cũng có nội dung Hướng dẫn học tập học phần [H5.5.6.7], trong đó ghi rõ: mục tiêu học phần, nội dung, phương pháp, yêu cầu, tài liệu tham khảo...trên cơ sở định hướng ban đầu đó, SV hoàn toàn có thể thực hiện môn học một cách dễ dàng.

Ngoài ra, nhà trường luôn luôn thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ chính sách ưu tiên đối với người học như chính sách nội trú, học bổng, hỗ trợ chi phí học tập... các chế độ chính sách này đều được phổ biến qua “Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên” đầu năm học, hoặc thông qua cuốn Sổ tay sinh viên [H5.5.6.8], những hoạt động này góp phần nào hỗ trợ, giúp đỡ HS, SV an tâm học tập.

2. Điểm mạnh

Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tâm đến công tác tạo môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học. Công tác an ninh, trật tự trong những năm vừa qua luôn được đảm bảo. Nề nếp, kỷ cương của nhà trường luôn được giữ vững. Kế hoạch thực hiện Chương trình đào tạo được ban hành chi tiết, rõ ràng, hệ thống giám sát tiến độ học tập được rà soát vào cuối mỗi học kỳ, đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình theo kế hoạch; Người học

được thông tin đầy đủ, chi tiết, kịp thời về kế hoạch học tập, đội ngũ giảng viên luôn nhiệt tình, sát sao giúp người học gắn kết với chương trình đào tạo.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được phòng ĐT-KT-KH & CTSV và công tác HSSV phối hợp với Đoàn TN, Hội Sinh viên thường xuyên tổ chức nhân các dịp Lễ quan trọng như: Ngày nhà giáo Việt Nam (20/11), Ngày Quốc khánh (2/9), Ngày Kỷ niệm thành lập Đảng (3/2), Ngày truyền thống HSSV (9/1)... những hoạt động này tạo môi trường sôi nổi, lành mạnh giúp HS, SV có cơ hội vừa học tập vừa rèn luyện.

3. Tồn tại

Mặc dù nhà trường đã có nhiều nỗ lực nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, tuy nhiên, bên cạnh những điểm đã làm được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: hệ thống thư viện điện tử chưa được đồng bộ hóa cao, giúp SV có thể cập nhật tài liệu một cách nhanh chóng, hệ thống giáo trình đã đầy đủ, song tài liệu tham khảo một số bộ môn vẫn còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống thư viện. Giao cho Tổ Thư viện trực tiếp nghiên cứu, thống kê các tài liệu còn thiếu để bổ sung.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 6/7

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học luôn được nhà trường xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học luôn được nhà trường công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các văn bản tuyển sinh, được xác định rõ ràng và được đánh giá theo từng năm. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn, để phát huy được năng lực của người học... Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, đề cương môn học và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV dễ dàng tiếp cận. Chế độ chính sách và các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt

động thi đua; các dịch vụ hỗ trợ người học được thực hiện đầy đủ, một cách kịp thời, thường xuyên. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh sạch đẹp, phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái của người học.

Tuy nhiên, đứng trước sự thay đổi trong đời sống xã hội, khiến cho số lượng thí sinh thi đăng ký xét tuyển vào học ở trường giảm; hình thức thi tuyển thay đổi từ hình thức thi cũ (thi theo khối) sang hình thức thi, xét tuyển đánh giá năng lực khiến cho số lượng thí sinh đăng ký nhập học thấp hơn thí sinh trúng tuyển. Nhà trường chưa có những chiến lược hành động để thu hút được học sinh giỏi vào học tại trường. Trong những năm học tới, nhà trường cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 5 và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự ổn định và phát triển của nhà trường.

TIÊU CHUẨN 6

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Mầm non, Trường CĐSP nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu học phần và chương trình khóa học. Việc đánh giá này được Khoa Mầm non thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 6.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về chuẩn đầu ra. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT. SV được biết các quy định về KTĐG để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. [H1.1.1.2]

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc tuyển SV mới; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra cuối khóa / thi tốt nghiệp.

Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc

(biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp đối với đánh giá cuối kì [H6.6.1.1]. Tất cả đề thi của Khoa Mầm non đều được trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích [H6.6.1.2].

Các hình thức kiểm tra đánh giá, đánh giá KQHT người học của Nhà trường được phổ biến và công khai thông qua các văn bản, đề cương chi tiết học phần [H2.2.2.1].

Nhà trường đã thành lập Phòng Tổ chức-thanh tra và ĐBCL, là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra đánh giá, độc lập với công tác đào tạo. Công tác ra đề và kiểm tra đánh giá kết quả học tập được tổng kết và báo cáo hàng năm.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của người học thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các hình thức đào tạo.

3. Tồn tại

Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thức thi, kiểm tra với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học tới, Nhà trường, Khoa và các bộ môn, Phòng Tổ chức, thanh tra & ĐBCL có kế hoạch khảo sát đánh giá các loại hình thức thi, kiểm tra đối với từng học phần và điều chỉnh đảm bảo phù hợp với mức đạt CDR của ngành GDTH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 6.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của Khoa Mầm non được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo CĐSP Hòa Bình và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo niên chế và theo hệ thống tín chỉ [H6.6.2.1], [H6.6.2.2].

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần thứ 7, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau 15 tuần. Trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (30%), cuối kì (60%)[H6.6.2.2]. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học.

Thời gian thi kết thúc học phần do phòng Tổ chức – Thanh tra &ĐBCL thực hiện và được Nhà trường phê duyệt sao đó được công bố cho SV ít nhất 2 tuần trước khi kì thi bắt đầu. [H6.6.2.3].

Các giảng viên phụ trách môn học nhập điểm KTTX, Giữa kỳ tại phòng ĐT-KT-KH&CTSV. Sau khi nhận điểm thi kết thúc học phần, phòng ĐT-KT-KH&CTSV công bố công khai cho người học đồng thời người học được phản hồi nếu điểm bị nhập sai.

Đối với thi tốt nghiệp, hàng năm phòng ĐT-KT-KH&CTSV đưa ra thông báo về việc lựa chọn môn thi tốt nghiệp trong đó ghi đầy đủ các môn thi tốt nghiệp, hình thức thi tốt nghiệp. Từ đó, giảng viên sẽ có căn cứ để ôn thi và ra đề thi phù hợp với nội dung và trình độ của sinh viên. [H6.6.2.4]. Bắt đầu từ năm học 2017-2018, CTĐT ngành GDMN chuyển hình thức đào tạo từ niên chế sang hình thức tín chỉ, vì vậy SV không phải thi tốt nghiệp mà thay vào đó sinh viên tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo sẽ được xét công nhận tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu học phần đề cương các học. Toàn bộ giảng viên của Khoa Mầm non đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

3. Tồn tại

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học mới chỉ dừng lại ở hình thức văn bản và chưa được đăng tải trên trang web của Nhà Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Mầm non sẽ tăng cường sử dụng fanpage của khoa để đăng tải các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 6.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Giảng viên Khoa Mầm non thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng. Hình thức kiểm tra rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, thảo luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... [H6.6.1.2]. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, vấn đáp và được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H6.6.1.3].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ được phản ánh trong cương môn học. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng Tổ chức-Thanh tra và ĐBCL. Bài kiểm tra cuối

kì của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên chấm độc lập, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học [H6.6.1.3].

Trong mỗi học kỳ, Khoa Mầm non phối hợp với phòng Tổ chức-Thanh tra và ĐBCL thực hiện lấy ý kiến phản hồi về học phần của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong đó có tiêu chí đánh giá về hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập. Kết quả khảo sát cho thấy SV hài lòng với các hình thức kiểm tra đánh giá của giảng viên. [H4.4.2.6]

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần.... Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng.

Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi

3. Tồn tại:

Còn một số môn học mà giảng viên vừa giảng dạy, vừa ra đề, chấm điểm. Điều này một phần có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2021-2022, giảng viên ra đề các môn học có sự phê duyệt của chủ nhiệm bộ môn, tránh tình trạng để giảng viên vừa giảng dạy, vừa ra đề, chấm điểm nhằm đảm bảo tính khách quan của quá trình đánh giá .

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Công bố kết quả đánh giá người học nằm trong quy định của Nhà trường. Việc quản lý kết quả học tập của người học được trường quy định cụ thể theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Trong đó quy định cụ thể sau 10 ngày kể từ khi thi kết thúc học phần, bộ môn phải hoàn thành việc chấm bài và công bố kết quả điểm cho SV [H6.6.4.1]. Kết quả học tập của SV được trường công bố công khai,

khoa sẽ nhận được một bảng điểm photo [H6.6.4.2]. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở phòng Tổ chức-Thanh tra và ĐBCL và phòng ĐT-KT-KH &CTS.V.

Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước: a) Khoa rà soát, kiểm tra đối chiếu kết quả học tập, chứng chỉ GDQP, chứng chỉ GDTC, thông báo cho SV biết và gửi danh sách SV đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp về phòng ĐT-KT-KH&CTS.V; b) Phòng ĐT-KT-KH&CTS.V thẩm định điều kiện công nhận tốt nghiệp và trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; c) Nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV [H6.6.4.3]. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của BGD&ĐT. [H6.6.4.4].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; đồng thời tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ nên đã hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bản được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. Danh sách các SV các hệ đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp đều được thông báo và công bố rõ ràng.

3. Tồn tại:

Công tác rà soát, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2021-2022, Khoa Mầm non, Phòng ĐT-KT-KH&CTS.V và phòng Tổ chức-Thanh tra &ĐBCL sẽ công bố điểm qua website, fanpage để người học nắm bắt kịp thời kết quả học tập của mình.

5. Tự đánh giá:

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 6.5 Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy định về việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập được nhà trường quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSP Hòa Bình [H6.6.5.1]. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại KQHT cụ thể như sau;

- Đối với điểm KTTX, SV khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên bản photo được gửi cho Khoa không chính xác thì sinh viên làm đơn đề nghị xem xét lại. Văn phòng khoa phối hợp với bộ môn liên quan và phòng Tổ chức-Thanh tra &ĐBCL, phòng ĐT-KT để giải quyết cho SV theo quy định.

Phòng Tổ chức-Thanh tra là đơn vị trong Nhà trường có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại theo quy định [H6.6.5.1]. Để tiếp nhận những khiếu nại về KQHT của người học thì Nhà trường đã có hòm thư góp ý để người học có thể trực tiếp gửi những ý kiến của mình vào đó [H6.6.5.2].

Kết quả báo cáo tổng kết công tác HSSV hàng năm cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại KQHT của người học đơn giản, thuận tiện và người học đã được tiếp cận với quy định này.

2. Điểm mạnh:

Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT. Nhà trường, Khoa và bộ môn đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về KQHT.

3. Tồn tại:

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021-2022, nhà trường có kế hoạch xây dựng quy trình xử lý khiếu nại của người học về đánh giá KQHT ngắn gọn và hiệu quả, tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tiêu chuẩn 6 gồm 05/05 tiêu chí đạt yêu cầu.

TIÊU CHUẨN 7

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý

1. Mô tả

Đội ngũ CBQL của Nhà trường hiện nay tổng cộng có 26 người, trong đó 24 CBQL có trình độ Thạc sỹ và 02 CBQL có trình độ Đại học; tuổi đời trung bình 46,52; trung bình thâm niên công tác 21,46; tỉ lệ nữ 68,00% [H7.7.1.1]. Trình độ của CBQL đều đảm bảo tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H7.7.1.2] và các quy định của UBND Tỉnh Hòa Bình về phân cấp, điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm CBQL, lãnh đạo thuộc UBND quản lý [H7.7.1.3].

Đội ngũ CBQL của Nhà trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn. Một số CBQL đã qua các lớp về bồi dưỡng Chính trị, các lớp Quản lý nhà nước, bồi dưỡng về Giáo dục Quốc phòng An ninh và có nhiều năm kinh nghiệm trong Quản lý Giáo dục [H7.7.1.4].

Việc đánh giá CBQL hằng năm được thực hiện theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ. Trong quá trình đánh giá CBQL, CBVC được tham gia trực tiếp góp ý kiến trong hội nghị đánh giá viên chức hằng năm của từng đơn vị trực thuộc. Các CBQL luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong công việc. Nhiều CBQL trong Nhà trường đã được tặng thưởng bằng khen, giấy khen của cấp trên; được nhận danh hiệu Chiến sỹ Thi đua các cấp [H7.7.1.5].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL của Nhà trường có trình độ chuyên môn, năng lực, có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục.

Việc phân công chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho CBQL thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

3. Tồn tại

Đội ngũ CBQL là lãnh đạo nhà trường còn thiếu theo cơ cấu đã được UBND tỉnh phê duyệt. Điều này gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành của BGH.

4. Kế hoạch hành động

Đề nghị cơ quan quản lý cấp trên tiến hành quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 7.2. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.

1. Mô tả

Hàng năm nhà trường lập danh sách trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ công chức viên chức theo quý về số lượng, chất lượng công chức, viên chức [H7.7.2.1]. Cơ cấu giáo viên từng ngành phù hợp với nhiệm vụ đào tạo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC được Đảng ủy, BGH quan tâm chỉ đạo. Nhà trường cử CBGV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn; bồi dưỡng kiến thức về Quản lý Hành chính Nhà nước-Quản lý Giáo dục; bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm; bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-An ninh dành cho đối tượng 3 [H7.7.2.2].

Từ 2015-2020, Nhà trường có 19 CBGV hoàn thành CTĐT thạc sĩ; 13 CBQL và cán bộ trong quy hoạch hoàn thành chương trình Trung cấp Lý luận Chính trị; 24 CBGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-An ninh theo quy định; 84 CBGV hoàn thành chương trình nghiệp vụ giảng dạy cho GV giảng dạy đại học, cao đẳng; 39 CBGV hoàn thành khóa bồi dưỡng Quản lý Giáo dục; 01 CBGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính và được bổ nhiệm [H7.7.2.2].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có kinh phí hỗ trợ cho CBGV tham gia bồi dưỡng, đi học nâng cao trình độ; việc triển khai lấy ý kiến CBVC về nhu cầu, nội dung bồi dưỡng chưa được thực hiện.

Đội ngũ CBVC trẻ được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Từ 2015-2020 có 15 CBVC dưới 35 tuổi được cử đi học nâng cao trình độ [H7.7.2.2]. CBVC được cử đi học Thạc sĩ được giảm trừ 50% định mức giảng dạy.

Nhà trường có đủ CBGV cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện các môn học của CTĐT và NCKH, cụ thể: Môn chung (32): SP Toán (02); Sp Sinh (04); SP Ngữ Văn (06); SP Âm Nhạc (08); SP Tiếng Anh (10); SP Mỹ thuật (05); Giáo dục Mầm non (09). Trong đó, số giảng viên, giáo viên có trình độ thạc sĩ là 65, đại học là 26 [H7.7.2.3].

Đã có trang thông tin điện tử của trường/khoa giới thiệu về đội ngũ giảng viên, giáo viên và hoạt động chuyên môn của nhà trường [H1.1.3.2]

Qua đánh giá, phân loại hàng năm cho thấy 100% giảng viên, giáo viên thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc quy định tại Thông tư số 47/2014/TT-BGD&ĐT và Thông tư số 36/2020/TT-BGD&ĐT; thực hiện nghiêm túc nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa nơi công sở, quy chế chuyên môn. Kết quả xếp loại đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Kết quả đánh giá làm cơ sở để điều chỉnh, sắp xếp nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng và năng lực của đội ngũ, làm cơ sở để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm [H7.7.2.4].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng;

Nhà trường có đủ CBGV cơ hữu có trình độ để thực hiện CTĐT và NCKH, giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có kinh phí hỗ trợ cho CBGV tham gia bồi dưỡng, đi học nâng cao trình độ; việc triển khai lấy ý kiến CBVC về nhu cầu, nội dung bồi dưỡng chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Hỗ trợ kinh phí cho CBGV tham gia bồi dưỡng, đi học nâng cao trình độ;

Lấy ý kiến CBVC về nhu cầu, nội dung bồi dưỡng chưa được thực hiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng

được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường lập danh sách trích ngang sơ yếu lý lịch của cán bộ công chức viên chức theo quý và có báo cáo số lượng chất lượng công chức, viên chức [H7.7.2.1]. Các bản danh sách và báo cáo thể hiện rõ số lượng, trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo của giảng viên. Mỗi ngành đào tạo đều có đủ cán bộ giảng viên cơ hữu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hồ sơ năng lực của giảng viên, giáo viên được quản lý và bổ sung theo đúng quy định. Có đủ văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp chuyên ngành được đào tạo [H7.7.3.1]. Phần lớn các giảng viên nhà trường có trình độ thạc sỹ. Hàng năm, căn cứ trình độ chuyên môn, năng lực đội ngũ, lãnh đạo các đơn vị khoa, tổ phân công nhiệm vụ giảng dạy cho giảng viên. Trên cơ sở đó, lãnh đạo nhà trường xem xét và ký duyệt phân công chuyên môn. 100% giảng viên nhà trường được giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo [H7.7.2.3].

Nhà trường có đủ CBGV cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện các môn học của CTĐT và NCKH, cụ thể: Môn chung (32): SP Toán (02); Sp Sinh (04); SP Ngữ Văn (06); SP Âm Nhạc (08); SP Tiếng Anh (10); SP Mỹ thuật (05); Giáo dục Mầm non (09). Trong đó, số giảng viên, giáo viên có trình độ thạc sĩ là 65, đại học là 26 [H7.7.3.1].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC được Đảng ủy, BGH quan tâm chỉ đạo. Căn cứ văn bản hướng dẫn của cấp trên, Nhà trường đã cử CBGV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn; bồi dưỡng kiến thức về Quản lý Hành chính Nhà nước-Quản lý Giáo dục; bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm; bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-An ninh dành cho đối tượng 3 [H7.7.2.2].

Từ 2015-2020, Nhà trường có 19 CBGV hoàn thành CTĐT thạc sĩ; 14 CBQL và cán bộ trong quy hoạch hoàn thành chương trình Trung cấp Lý luận Chính trị; 23 CBGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-An ninh theo quy định; 84 CBGV hoàn thành chương trình nghiệp vụ giảng dạy cho GV giảng dạy đại học, cao đẳng; 39 CBGV hoàn thành khóa bồi dưỡng Quản lý Giáo dục; 01 CBGV

hoàn thành chương trình bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính và được bổ nhiệm [H7.7.2.2], [H7.7.3.2].

Đội ngũ CBVC trẻ được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Từ 2016-2020 có 15 CBVC dưới 35 tuổi được cử đi học nâng cao trình độ. CBVC được cử đi học Thạc sĩ được giảm trừ 50% định mức giảng dạy [H7.7.2.2].

Hằng năm, nhà trường đều có hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên đăng ký nghiên cứu khoa học. Khuyến khích giảng viên lựa chọn vấn đề nghiên cứu và triển khai các đề tài phục vụ trực tiếp cho hoạt động học tập và giảng dạy [H7.7.3.4], chuyển giao những đề tài có tính thực tiễn, đặc biệt là những đề tài về phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin. Kết quả nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí dùng để đánh giá viên chức và xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của nhà trường.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ, cuối năm học Nhà trường tổ chức đánh giá, phân loại giảng viên, giáo viên [H7.7.2.5]. Kết quả đánh giá làm cơ sở để điều chỉnh, sắp xếp nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng và năng lực của đội ngũ, làm cơ sở để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm [H7.7.3.5].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.

3. Tồn tại

Số giảng viên có trình độ chuyên môn tiến sỹ còn ít.

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên NCKH còn thấp và không thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Cử giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

Tăng cường nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 7.4. Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng đến công tác đánh giá các hoạt động giảng dạy của giáo viên, triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Nhà trường đã giao cho phòng Tổ chức-Thanh tra và ĐBCL tổ chức lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT theo chu kỳ mỗi năm hai lần vào cuối mỗi học kỳ. Học kỳ I và học kỳ II năm học 2020-2021 số lượt giảng viên được khảo sát lần lượt 79 và 55; số lượng phiếu khảo sát lần lượt là 2127 và 1392 phiếu. Ý kiến phản hồi của sinh viên cho từng GV là một kênh thông tin để đánh giá rút kinh nghiệm và có biện pháp điều chỉnh nhằm thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy [H4.4.2.6].

Nhà trường thực hiện quy định về thanh tra định kỳ hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kì, năm học với các nội dung: Kiểm tra hồ sơ chuyên môn, giáo án đảm bảo đúng quy định về hình thức, nội dung; dự giờ, đánh giá giờ dạy của GV theo hướng đổi mới phương pháp phù hợp với đặc thù môn học. Kết quả thanh tra, kiểm tra có các báo cáo sơ kết, tổng hợp kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, có nhận xét cụ thể của hội đồng thẩm định về mặt tích cực, hạn chế của từng GV gửi về các khoa tổ. Năm học 2019-2020, có 71 CBGV được xếp loại giờ dạy giỏi; 19 CBGV được xếp loại giờ dạy khá. Kết quả thanh tra về hồ sơ và giờ dạy là căn cứ để các khoa, tổ điều chỉnh, khuyến khích, góp ý để giảng viên, GV tiếp tục điều chỉnh hoạt động giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. [H7.7.4.1].

Để phát triển đội ngũ, Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giảng viên, giáo viên được tham gia các lớp bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị để nâng cao trình độ chuyên môn [H7.7.2.2]; tham gia nghiên cứu khoa học với nhiều bài viết được đăng tải trên tạp chí chuyên ngành, nội san khoa học. Nhiều đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm của GV được triển khai, áp dụng đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của GV và học tập của HSSV, đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường [H7.7.3.4].

Thời gian qua, Nhà trường đã cử 02 GV Tiếng Anh đi học tập tiếng Anh tại Philipines; các GV giảng dạy bộ môn Quốc phòng An ninh, Lý luận Chính trị tham gia các đợt tập huấn về phương pháp giảng dạy các môn học như Giáo dục Quốc phòng, các môn thuộc Lý luận Chính trị; [H7.7.2.2].

Nhà trường cũng tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; khóa học bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tiếng Anh TH cho GV trong và ngoài nhà trường.[H7.7.2.2]. Thông qua các lớp bồi dưỡng này, CBGV nhà trường được học tập về phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại.

CBVC được tạo điều kiện tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; được xét nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn [H7.7.4.2]; được nghỉ lễ tết, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ việc riêng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến 2019, số lượng CBGV đi học nâng cao trình độ, đặc biệt trình độ tiến sĩ còn ít.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều hình thức đánh giá hoạt động giảng dạy cũng như năng lực của giảng viên, giáo viên.

Tạo điều kiện để giảng viên, giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng, tham gia các hội thảo, hội nghị để nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tồn tại

Một bộ phận sinh viên còn chưa có ý thức cao trong việc phản hồi ý kiến về công tác giảng dạy của giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường quán triệt tinh thần và ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc phản hồi công tác giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả đánh giá qua phiếu khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 7.5. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả

Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, cán bộ hành chính được bố trí làm việc tại phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng KH-TC và Tổ Thư viện. Tính đến 31/12/2020, tổng số kỹ thuật viên và nhân viên của Nhà trường là 12 người, trong đó có 04 cán bộ phục vụ giảng dạy (Có 01 kỹ sư phụ trách phòng thí nghiệm Vật lý và 03 nhân viên Thư viện), 08 nhân viên hành chính (Có 01 thủ quỹ, 02 kế toán, 02 lái xe, 01 bác sĩ, 01 y sĩ và 01 nhân viên Văn thư) [H7.7.5.1].

Nhà trường đã tạo điều kiện cho kỹ thuật viên, nhân viên tham dự các đợt tập huấn ngắn hạn, dài hạn về chuyên môn nghiệp vụ. Từ năm 2015-nay, Nhà trường đã chọn cử viên chức đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể: nhân viên kế toán được bồi dưỡng về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài chính Misa 11 lượt; nhân viên bảo vệ được tập huấn về phòng chống cháy nổ và nghiệp vụ bảo vệ 02 lượt; nhân viên văn thư được tập huấn nghiệp vụ văn thư lưu trữ 01 lượt; nhân viên y tế, phục vụ được tập huấn về công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh 05 lượt; tập huấn về phần mềm quản lý thư viện trường học, công tác thư viện 02 lượt; tập huấn về công tác tài sản công, an ninh trật tự 04 lượt [H7.7.5.2].

Hàng năm, đánh giá, phân loại viên chức, đội ngũ nhân viên đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả đánh giá làm cơ sở để điều chỉnh, sắp xếp nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng và năng lực của đội ngũ nhân viên, làm cơ sở để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm [H7.7.1.5]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên nhân viên.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác. Được Nhà trường tạo điều kiện để được tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tồn tại

Một số nhân viên phục vụ chưa được tham gia các khóa bồi dưỡng.

Do có sự điều chuyển công tác nên nhân viên kỹ thuật, nhân viên điện nước hiện nay còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục đề nghị cấp có thẩm quyền cho tuyển thêm nhân viên kỹ thuật điện nước để đáp ứng được nhiệm vụ chuyên môn.

Tiếp tục bố trí cho đội ngũ nhân viên được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên đảm bảo đúng quy định, công khai và minh bạch

1. Mô tả

Hằng năm, trên cơ sở quy hoạch phát triển Nhà trường, phương hướng nhiệm vụ năm học và chỉ tiêu biên chế được giao, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức xác định số lượng, vị trí công việc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đề nghị Sở GD&ĐT tổ chức quy trình tuyển dụng theo quy định của Nhà nước [H7.7.6.1].

Từ 2015-2020, Sở GD&ĐT đã tuyển dụng cho Nhà trường 07 viên chức, trong đó có 04 GV và 03 nhân viên hành chính (02 lái xe và 01 kỹ sư) [H7.7.1.1].

Công tác bổ nhiệm CBQL, giảng viên, giáo viên và nhân viên được tiến hành công khai, dân chủ và việc bổ nhiệm được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành. Theo quy định, Hiệu trưởng báo cáo Đảng ủy về nhu cầu bổ nhiệm cán bộ. Sau khi được sự đồng ý của Đảng ủy, Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện quy trình bổ nhiệm như sau: Tập thể Lãnh đạo giới thiệu nhân sự đề nghị bổ nhiệm; tổ chức hội nghị viên chức lấy ý kiến; tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến; báo cáo xin ý kiến Đảng ủy về nhân sự; Hiệu trưởng ban hành quyết định bổ nhiệm [H7.7.6.2].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ QL, giảng viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác

3. Tồn tại

Một số vị trí công tác cần có kế hoạch hướng dẫn chi tiết nội dung công việc, để khi được điều động có khả năng đáp ứng ngay yêu cầu công việc, không phải học việc từ đầu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, Nhà trường có kế hoạch sáp nhập một số đơn vị, một số vị trí điều động, luân chuyển cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 4/7

TIÊU CHUẨN 8

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

MỞ ĐẦU

Hiện nay, với nguồn lực hiện có nhà trường và khoa Mầm non luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, phòng học, tư liệu chuyên ngành để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm đạt được nhiệm vụ đề ra.

Tiêu chí 8.1: Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Tổng diện tích sàn các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu là 2.184m², được chia thành 45 phòng, trong phòng được trang bị đủ phương tiện, thiết bị để làm việc.

Từ tháng 10/2017 đến 2020, tổng số phòng làm việc là 40 phòng. Cụ thể: Ban Giám hiệu: 03 phòng; phòng HC-TH: 03 phòng; phòng Kế hoạch-Tài chính: 02 phòng; phòng ĐT-KT-KH & CTSV: 02 phòng; phòng Tổ chức-Thanh tra và Đảm bảo chất lượng: 03 phòng; Khoa Tiểu học-Trung học cơ sở và Liên kết đào tạo: 03 phòng; Khoa Mầm non: 02 phòng; Ban Quản lý KTX: 02 phòng; Tổ LLCT-GDQP-AN&GDTC 02 phòng; Đoàn thanh niên và Hội HSSV 02 phòng; tổ Thư viện: 02 phòng; phòng Y tế: 01 phòng; Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: 03 phòng; phòng tuyển sinh 02 phòng.

Trong đó Khoa Mầm non được bố trí 02 phòng làm việc tại khu nhà A2. Các phòng này có diện tích khoảng 40m² và 20m², được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối internet, máy in, mạng wifi... Các trang thiết bị và phòng làm việc phù hợp với định mức theo quy định của Nhà nước để đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên có nhiều điều kiện phấn đấu và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Hiện nhà trường có 45 phòng học với diện tích 4287m², được chia ra như sau:

- Phòng học: có 38 phòng đáp ứng cho 40 lớp của các ngành đào tạo; trong đó nhà cấp 3 là 32 phòng, nhà cấp 4 là 06 phòng.

- Phòng thí nghiệm gồm 02 phòng thí nghiệm Hóa - Sinh, 01 phòng thí nghiệm Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp. 01 phòng dạy học theo công nghệ cao; 03 phòng thực

hành tin học; 01 thư viện; 01 phòng LAP; 01 phòng thực hành cho chuyên ngành Mỹ thuật; 01 phòng Múa.

Các phòng thí nghiệm, thực hành đều có cán bộ phụ trách, có nội quy, hướng dẫn cụ thể khi sử dụng và có các thiết bị đo lường thực hành thí nghiệm đạt tiêu chuẩn theo CTĐT các ngành có yêu cầu về thực hành và thí nghiệm. [H8.8.1.1].

2. Điểm mạnh

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đã được trang bị phù hợp và thường xuyên bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng công tác thí nghiệm, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã đề xuất đầu tư thêm các phòng thí nghiệm chuyên ngành, mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 8.2: Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo.

Thư viện của nhà trường có diện tích trên 639m², bao gồm hệ thống kho sách, phòng đọc giáo viên và HSSV, phòng nghiên cứu của giảng viên, tủ mục lục được bố trí theo nhu cầu sử dụng. Toàn bộ nhà thư viện đều được thiết kế và trang bị đủ hệ thống chiếu sáng, phòng chống cháy nổ, báo động, giá tủ, bàn ghế [H8.8.2.1]; [H8.8.1.1]

Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo theo yêu cầu của từng CTĐT và hàng năm tiếp tục được bổ sung theo yêu cầu chuyên môn. Năm học 2015-2016, thư viện có 5.416 đầu sách với 22.763 bản sách tham khảo; giáo trình hệ Cao đẳng sư phạm Tiểu học, Mầm non có 390 đầu sách với 15.495 bản; sách giáo khoa Trung học cơ sở có 12.000 bản; các loại băng, đĩa có trên 1000 chiếc; bản đồ, tập tranh có 687 tờ; biển báo giao thông 77 bộ; sách thực hành Tiếng Việt có 100 bộ phục vụ các môn học của ngành đào tạo SP Tiểu học; có gần 200 luận văn Thạc sĩ, đề tài KH

của giảng viên; trên 500 bài báo cáo thực tập tốt nghiệp của học sinh sinh viên. Báo và tạp chí, được lưu trữ và cập nhật mới hàng ngày, tuần, tháng, quý. Gồm 19 loại báo và tạp chí 24 đầu và nhiều loại tài liệu để phục vụ cho giảng viên và học sinh HSSV tham khảo. Các ngành đào tạo mới bước đầu đã được bổ sung một số tài liệu tuy còn hạn chế về số lượng nhưng cũng đạt được mức độ hợp lý trong sử dụng [H8.8.2.2].

Hiện tổng kho tài liệu có 9.133 đầu sách với 129.427 bản, việc bổ sung tài liệu dựa theo các ngành căn cứ vào yêu cầu chuyên môn để bổ sung. Số lượng sách mới mua và tặng năm 2011 mua: 85 đầu = 2.295 bản, tặng 178 đầu = 1.393 bản; năm 2012 mua 218 đầu = 1.144 bản, tặng 482 đầu – 28.916 bản, giáo viên nhập 487 bản; năm 2013 mua 58 đầu = 4.102 bản, tặng 115 đầu = 523 bản; năm 2014 mua 99 đầu = 1.502 bản, tặng 247 đầu – 421 bản; năm học 2015 mua 16 đầu = 1.050 bản, tặng 82 đầu = 135 bản; năm 2016 mua 01 đầu = 20 bản; Tặng 248 đầu = 2.225 bản; năm 2018 mua 04 đầu = 20 bản; năm 2019 mua 03 đầu; năm 2020 mua 05 đầu; Tặng 118 bản. Tất cả sách, tài liệu, giáo trình được bổ sung mới đều được tiến hành viết phích cho bạn đọc tra cứu và phân bổ về các kho để kịp thời phục vụ bạn đọc [H8.8.2.3].

Nhân viên thư viện được đào tạo đúng chuyên ngành, trẻ, nhiệt tình, nhưng mới dừng lại ở khâu cho mượn tài liệu, chưa nâng cao được chất lượng phục vụ. Để phục vụ bạn đọc ngày càng tốt hơn, thư viện thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến cán bộ, giáo viên và HSSV về khả năng đáp ứng của Thư viện và nhu cầu bổ sung tài liệu bằng các hình thức khác nhau [H8.8.2.4].

Hệ thống thư viện được quản lý bằng công tác truyền thống, có văn bản hướng dẫn cụ thể rõ ràng [H8.8.2.5]. Quá trình phục vụ độc giả sử dụng tài liệu tại thư viện được tiến hành như sau: Ngay vào đầu khoá học, HSSV được làm thẻ và sổ theo dõi mượn tài liệu, được phổ biến Nội quy thư viện và hướng dẫn sử dụng thư viện, mỗi 1 HSSV được cấp 01 sổ mượn và do cán bộ thủ thư quản lý. Việc mượn giáo trình, sách nghiệp vụ, dựa trên nhu cầu thực tế của ngành học, mượn theo học trình, mượn học trình mới trả học trình cũ. Đối với cán bộ, giảng viên trong trường được cấp sổ mượn, được mượn theo nhu cầu giảng dạy theo dõi bằng sổ mượn tài liệu theo quy định của Thư viện. Đối với tài liệu nghiên cứu và sách tham khảo, đối với HSSV được mượn trong 10 ngày nếu cần xin ra hạn thêm, riêng các đề tài nghiên cứu khoa học đọc tại

chỗ nếu cần mượn phô tô trả ngay, còn báo và tạp chí mượn đọc tại chỗ nếu cần xin ra hạn ngày hôm sau. Quá trình phục vụ bạn đọc được đáp ứng theo nhu cầu học tập và nhu cầu nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và HSSV. Số lượng cán bộ giảng viên và học sinh HSSV sử dụng thư viện được cán bộ thủ thư thống kê theo từng ngày bằng nhật ký phòng đọc, phòng mượn, tổng hợp theo tháng thông qua phiếu yêu cầu.

Thông kê theo Năm học 2013 - 2014: 6.318 lượt;

Năm học 2014 - 2015: 8.318 lượt;

Năm học 2015 - 2016: 3.731 lượt

Năm học 2016 - 2017: 8.794 lượt

Năm học 2017-2018: 2610 lượt

Năm học 2018-2019: 2105 lượt

Năm học 2019-2020: 2070 lượt

Nhu cầu đọc của cán bộ giảng viên và học sinh HSSV chủ yếu là mượn giáo trình và sách nghiệp vụ, kho sách tham khảo mượn số lượt còn hạn chế [H8.8.2.6]. Bên cạnh phục vụ, tuyên truyền, thư viện còn biên soạn thư mục sách mới để thông báo qua bảng tin hoặc gửi email đến các đơn vị.

Để đánh giá hiệu quả phục vụ của công tác thư viện, làm cơ sở để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, từ năm học 2015-2016 thư viện đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến bạn đọc (sinh viên), qua tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát cho thấy, thư viện cần phải nâng cao hơn nữa về chất lượng phục vụ và cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng đọc. [H8.8.2.4].

2. Điểm mạnh

Thư viện có đủ số lượng giáo trình, tài liệu, sách, báo... cần thiết phục vụ cho hoạt động chuyên môn và nghiên cứu, học tập của CBVC, HSSV.

Đội ngũ cán bộ thủ thư trẻ tuổi, nhiệt tình, có trình độ, được đào tạo đúng chuyên ngành, thực hiện tốt công tác phục vụ cho bạn đọc và các yêu cầu khác trong các lĩnh vực chuyên chuyên môn và NCKH của trường.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện tương đối đầy đủ, hệ thống tủ mục lục tra cứu bố trí hợp lý, có bảng hướng dẫn cụ thể thuận tiện cho bạn đọc tra tìm tài liệu.

3. Tồn tại

Công tác bạn đọc mới dừng lại ở bảo quản, lưu trữ và cho mượn sách, chưa thu hút được nhiều bạn đọc đến thư viện.

Kho tham khảo sách đã cũ, lạc hậu, công tác quản lý thư viện đã thực hiện bằng phương pháp sử dụng công nghệ thông tin nhưng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Đổi mới phương thức phục vụ, tiến tới quản lý thư viện bằng công nghệ thông tin, triển khai xây dựng thư viện điện tử; Có kế hoạch cử cán bộ thư viện đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ cho mô hình thư viện điện tử và thư viện mở.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chí 8.3: Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Hiện tại, nhà trường trang bị khoảng trên 120 máy tính (gồm cả máy tính và máy in) cho các phòng, khoa, tổ; 01 máy tính xách tay cho phòng KH-TC. Tùy theo tính chất công việc, mỗi phòng, khoa, tổ được trang bị từ 01 đến 04 máy tính và máy in để phục vụ công tác (cá biệt có phòng ban do đặc thù công việc được trang bị 06 máy tính). Máy tính của các phòng, khoa, tổ được kết nối mạng nội bộ và mạng internet, có hộp thư điện tử riêng đáp ứng được yêu cầu làm việc [H8.8.1.1].

100% các phòng máy tính được kết nối mạng Internet; 03 phòng thực hành tin học với diện tích là 170m² được trang bị 100 bộ máy tính. Các máy tính đều hoạt động tốt, có nội quy quản lý và sử dụng cụ thể.

Phòng thực hành tin có nhân viên giúp giảng viên quản lý phòng học và thiết bị, có nhật ký ghi chép việc sử dụng phòng máy tính, phòng mạng [H8.8.3.1].

Từ năm 2015 để giúp cho người học tiếp cận với công nghệ cao nhà trường xây dựng 03 phòng đa chức năng với các thiết bị: máy chiếu đa năng, phong chiếu... được phục vụ theo yêu cầu của giảng viên ở các khoa.

Từ năm 2017 đến nay, nhà trường đã trang bị thêm nhiều phòng chức năng có máy chiếu đa năng, phong chiếu điện tử, máy quay video...

Trường đã triển khai, lắp đặt và sử dụng đường truyền mạng tốc độ cao đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng Internet trong quản lý và học tập. Ngoài ra toàn bộ hệ thống máy tính tại nhà trường bao gồm tại văn phòng và các phòng học được kết nối mạng Internet phục vụ công tác giảng dạy và hệ thống mạng wifi phủ sóng trong phạm vi toàn trường phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

2. Điểm mạnh

Có máy tính, máy in và các thiết bị công nghệ thông tin đủ để phục vụ cho các hoạt động đào tạo. 100% máy tính các đơn vị được kết nối mạng và có địa chỉ Email. Có nhân viên quản lý trách nhiệm nhiệt tình, hỗ trợ tốt cho CBVC và người học.

3. Tồn tại

Chưa có đội ngũ kỹ thuật viên, đặc biệt là kỹ thuật viên quản trị mạng. Việc quản lý các phòng tin, phòng mạng mới chỉ dừng lại ở quản lý cơ sở vật chất thuần túy, chưa có cán bộ chuyên sâu trong công tác hỗ trợ khai thác, sử dụng, sửa chữa và bảo dưỡng.

Việc sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý và điều hành còn giới hạn, chưa khai thác hết chức năng của các thiết bị công nghệ cao.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục đề xuất với cơ quan chủ quản bổ sung cán bộ chuyên trách phụ trách kỹ thuật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản trị mạng.

Tiếp tục tham mưu với nhà trường nâng cao trình độ tin học trong công tác quản lý và điều hành. Có kế hoạch nhằm đẩy mạnh việc khai thác những ứng dụng tiện ích do mạng Internet mang lại như thiết lập cổng điện tử của trường, chuyên văn bản và in ấn văn bản thông qua các dịch vụ dùng chung của internet.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chí 8.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh tại khu làm việc cũng như tại ký túc xá. Phòng Hành chính-Tổng hợp có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ.

Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của trường, KTX, phương án phòng cháy chữa cháy đã được xây dựng. Nhà trường luôn đảm bảo môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên luôn an toàn, sức khỏe, xanh-sạch-đẹp. [H8.8.4.1].

Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy quy định sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành, vệ sinh môi trường... và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất trước khi sử dụng các tiết học trên [H8.8.4.1].

Ban bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết phối hợp với công an Phường Dân Chủ trong công tác đảm bảo an ninh vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trong các dịp lễ tết và trong các hoạt động lớn, trường đều có thông báo đến các đơn vị trong trường, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực lãnh đạo. [H8.8.4.2].

2. Điểm mạnh

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, ban quản lý KTX đều được học nghiệp vụ công tác bảo vệ do công an phường Dân Chủ tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của trường trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX luôn được bố trí thời gian để truyền đạt đến SV về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của nhà trường. Nhân viên phòng y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch-đẹp.

3. Tồn tại

Cơ sở vật chất của KTX còn thiếu, hệ thống điện nước đã xuống cấp; chưa có các dịch vụ phục vụ đáp ứng nhu cầu người học.

4. Kế hoạch hành động

Từng năm sửa chữa, lắp đặt các thiết bị hiện đại tại các phòng ở.

Nâng cấp các loại hình dịch vụ phục vụ sinh hoạt cho HSSV vào các năm tới.

Ban quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 8

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Giáo dục Mầm non. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT đủ đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ sinh viên. Nhà trường có sân bãi, hội trường, nhà đa năng phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ giảng viên và sinh viên.

TIÊU CHUẨN 9

BẢO ĐẢM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

MỞ ĐẦU

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Để trường CĐSP Hòa Bình có thể đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của địa phương, là trường có uy tín đào tạo thế hệ sinh viên có năng lực phục vụ được trong nhiều lĩnh vực thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan (giảng viên, người học, nhà tuyển dụng lao động) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 9.1. Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Năm 2008, Trường CĐSP Hòa Bình thành lập Phòng KT&ĐBCL theo Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác đánh giá và KĐCLGD. Đây là đơn vị chuyên trách đầu tiên của Trường về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL).

Do yêu cầu thực tế của Nhà trường, tháng 9 năm 2012 Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quyết định số 459/QĐ-CĐSP ngày 03/9/2012 thành lập phòng TTr.PC và ĐBCL. Bộ phận ĐBCL trong thời gian này trực thuộc phòng Thanh tra-pháp chế và ĐBCL. [H9.9.1.1].

Đến tháng 9/2016, công tác ĐBCL được giao cho phòng TTr.KT&ĐBCL theo Quyết định số 217/QĐ-CĐSP ngày 09/6/2016 của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình [H9.9.1.2]. Chức năng, nhiệm vụ của công tác ĐBCL được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H1.1.1.1].

Để tăng cường công tác đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng đào tạo, ngày 14/6/2017, Nhà trường ban hành Quyết định số 314/QĐ-CĐSP thành lập Phòng KT&ĐBCL trên cơ sở tách ra từ phòng TTr.KT&ĐBCL

Đến tháng 9 năm 2021, do tình hình thực tế của nhà trường, bộ phận Đảm bảo chất lượng được sát nhập vào phòng Tổ chức-Thanh tra và lập phòng Tổ chức – Thanh tra và Đảm bảo chất lượng. [H9.9.1.3].

Đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách đảm bảo chất lượng của phòng gồm 04 cán bộ, trong đó có 04 thạc sỹ, 01 cán bộ được đào tạo về công tác KĐCLGD và là cán bộ trực tiếp quản lý công tác tự đánh giá của đơn vị [H9.9.1.4], [H9.9.1.5]. Những cán bộ của phòng đều có kỹ năng tốt trong việc sử dụng máy tính, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công tác. Phòng đã có cán bộ tham gia tập huấn về công tác tự đánh giá tại Đà Nẵng [H9.9.1.6].

Từ khi thành lập đến nay, đơn vị chuyên trách về ĐBCL đã tham mưu với lãnh đạo Nhà trường ban hành Quy định về công tác ĐBCL của Trường CĐSP Hòa Bình, triển khai lập kế hoạch ĐBCL hàng năm và tổng kết, đánh giá hoạt động Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục trong Nhà trường [H9.9.1.7]. Tuy nhiên, nội dung hoạt động này vẫn chưa được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Trường.

Ngoài ra, Phòng đã tham mưu cho lãnh đạo triển khai công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn trường cao đẳng của Bộ GD&ĐT [H9.9.1.8]. Trên cơ sở quy định về công tác ĐBCL, kế hoạch ĐBCL của trường, các đơn vị chủ động thu thập bổ sung thông tin minh chứng, nêu những tồn tại và kế hoạch hành động cho năm tiếp theo đối với các tiêu chuẩn liên quan đến đơn vị mình. Đến tháng 5/2020, trường CĐSP Hòa Bình được Trung tâm KĐCL Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội trao quyết định công nhận cơ sở giáo dục đạt chuẩn chất lượng. [H9.9.1.9].

Về công tác tự đánh giá CTĐT, năm 2018 phòng đã tham mưu cho nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và ban hành quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN. Và đến năm 2020 nhà trường tiếp tục tiến hành tự đánh giá CTĐT theo thông tư 02/2020/TT-BGDĐT với sự thay đổi các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với các trường CĐSP trong giai đoạn hiện nay. [H9.9.1.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng, có cán bộ được đào tạo về công tác ĐBCL, cán bộ đơn vị đều có trình độ thạc sĩ, có năng lực tác nghiệp, có trách nhiệm và nhiệt tình trong công tác.

3. Tồn tại

Số lượng cán bộ có chuyên môn, được đào tạo về công tác ĐBCL còn ít. Nội dung hoạt động về công tác ĐBCL chưa được Nhà trường đánh giá thường xuyên.

Nhà trường chưa tiến hành lấy ý kiến của các bộ phận trong Nhà trường đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận ĐBCL và các cán bộ chuyên trách của phòng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cử thêm cán bộ của phòng tham gia tập huấn, đào tạo về kiểm định viên KĐCLGD.

Nhà trường cần có đánh giá thường xuyên về công tác ĐBCL tổng thể trên các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, chỉ ra các hạn chế, nguyên nhân và biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả cần được thể hiện thành một mục trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học và trong Hội nghị CBVC hàng năm.

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị về hiệu quả làm việc của các phòng ban và cán bộ chuyên trách của phòng trong đó có phòng Tổ chức- Thanh tra & ĐBCL.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 9.2. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng.

1. Mô tả:

Kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo khối ngành sư phạm. Mục tiêu của các học phần kiến tập, thực tập là rèn nghề cho người học. Thông qua một cơ sở giáo dục mầm non cụ thể, người học được vận dụng các kiến thức đã tích lũy được trong quá trình đào tạo vào công việc, rèn luyện chuyên môn, từ đó hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân.

Với mục tiêu đó, việc lựa chọn cơ sở giáo dục làm địa điểm rèn nghề cho học sinh – sinh viên ngành Giáo dục Mầm non luôn được nhà trường coi trọng và đặt lên hàng đầu. Các trường mầm non được lựa chọn làm điểm kiến tập, thực tập sư phạm phải là trường có bề dày lịch sử, có đội ngũ giáo viên giỏi, giàu kinh nghiệm và là trường đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Để lựa chọn được điểm trường cho sinh viên đến kiến tập, thực tập như mong muốn, hàng năm nhà trường đều phối hợp phòng Giáo dục thành phố cử giảng viên đi khảo sát thực tập để nắm bắt các thông tin về điều kiện cơ sở vật chất, số lượng các khối lớp, số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên có thể tham gia hướng dẫn kiến tập, thực tập; chất lượng giáo dục của trường để làm căn cứ để xây dựng kế hoạch kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm [9.2.1.1].

Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021, phần lớn các trường mầm non được Nhà trường đưa 2 sinh viên đến kiến tập, thực tập đều là các nhà trường đạt chuẩn Quốc gia [9.2.1.2]

Hệ thống các trường mầm non, các cơ sở thực hành mầm non mà sinh viên đến kiến tập và thực tập tính đến thời điểm hiện tại có 7 trường [9.2.1.2] đây thực sự là môi trường rèn kỹ năng sư phạm, nghề nghiệp cho sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 3.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục Đào tạo, phòng Giáo dục Đào tạo thành phố, các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia để tiến hành có hiệu quả các hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm cho sinh viên.

3. Tồn tại:

Số lớp nhà trẻ ở một số trường mầm non hạn chế nên gây khó khăn cho việc luân chuyển nhóm thực tập của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Để sinh viên có thể được tham gia thực tập trên cả nhóm nhà trẻ và nhóm mẫu giáo, Nhà trường sẽ phân chia lại các đoàn thực tập để đảm bảo số lượng sinh viên trong mỗi đoàn phù hợp với số lượng các nhóm trẻ nơi sinh viên đến thực tập

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 9.3. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến

1. Mô tả:

Tổng kết, đánh giá hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm luôn được coi là một khâu quan trọng, nhất thiết không thể thiếu trong quy trình tổ chức học các học phần kiến tập, thực tập cho sinh viên sư phạm. Có tổng kết, đánh giá, cả cơ sở hướng dẫn kiến tập, thực tập và Cơ sở đào tạo mới có thể đánh giá được toàn bộ quá trình thực tập của sinh viên; những điểm mạnh, điểm yếu, tồn tại của công việc, từ đó có những điều chỉnh, cải tiến cho hoạt động kiến tập, thực tập của sinh viên ở những khóa đào tạo tiếp theo.

Hoạt động tổng kết kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm ở trường CĐSP Hòa Bình luôn được thực hiện một cách bài bản. Trước khi kết thúc một đợt kiến tập, thực tập sư phạm, tất cả các cơ sở hướng dẫn thực tập Sư phạm đều xây dựng báo cáo tổng kết thực tập sư phạm. Công tác tổng kết sẽ được thực hiện ngay tại các trường nơi sinh viên thực tập với sự tham gia của Ban chỉ đạo thực tập trường mầm non, lãnh đạo địa phương và các bộ phận chức năng liên quan của Trường CĐSP Hòa Bình cùng toàn thể học sinh – sinh viên thực tập. Buổi tổng kết kiến tập, thực tập là thời gian để Ban chỉ thực tập đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác chỉ đạo thực tập; đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và đề xuất, kiến nghị về công tác kiến tập, thực tập Sư phạm [9.3.1.1].

2. Điểm mạnh:

Các trường mầm non đã phối hợp chặt chẽ với trường CĐSP Hòa Bình để tổ chức tổng kết kiến tập, thực tập sư phạm cho sinh viên theo đúng quy định.

3. Tồn tại:

Trong văn bản tổng kết thực tập chưa nêu rõ được mặt hạn chế của từng sinh viên cụ thể.

4. Kế hoạch hành động:

Trong phối hợp chỉ đạo thực tập, Nhà trường sẽ có những đề xuất cụ thể với Ban chỉ đạo thực tập các trường mầm non để đánh giá đến từng sinh viên thực tập.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H4.4.1.2]. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được trình bày chi tiết trong Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Hướng dẫn đánh giá học phần, học lại, thi tốt nghiệp đối với hệ CDCQ của trường CĐSP Hòa Bình [H9.9.4.1], [H9.9.4.2].

Việc ra đề thi, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: đầu tiên phòng KT&ĐBCL lên lịch thi các học phần cần ra đề thi [H9.9.4.3], trong vòng 2 tuần các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi có kèm đáp án (có chữ ký của trưởng khoa) về phòng KT&ĐBCL. Sau mỗi môn thi kết thúc, giảng viên chấm thi; phòng KT&ĐBCL ghép phách, nhập điểm và nộp bản gốc cho phòng QLĐT để cán bộ phòng QLĐT nhập điểm vào phần mềm quản lý điểm.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV là việc làm thường xuyên ở nhà trường. Trong nội dung của phiếu đánh giá này có nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của SV. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng. [H9.9.4.4].

Trong giai đoạn 2013-2016, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện sau từng học kỳ theo tỉ lệ sau: Điểm KTTX (10%), Điểm Giữa kỳ (10%); Điểm Cuối kỳ (80%). [H9.9.4.5]. Nhưng bắt đầu từ năm học 2017-2018, nhà

trường thực hiện theo Quy chế đào tạo Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ nên đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã thay đổi theo tỉ lệ: Điểm chuyên cần (10%), Điểm KTTX (20%), Điểm GK (20%), Điểm Cuối kỳ (50%). Để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải đạt đủ điều kiện về kết quả học tập và số tín chỉ tích lũy quy định trong CTĐT [H9.9.4.6].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng Tổ chức – Thanh tra và ĐBCL phối hợp với Khoa Mầm non tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ cao đẳng ngành Mầm non đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được SV đánh giá cao [H4.4.2.6].

Trong mỗi kỳ học, Khoa Mầm non thực hiện kế hoạch thanh tra chuyên môn nhà trường, bố trí các giảng viên đi dự giờ nhằm đóng góp cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức lớp học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [H9.9.4.7].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, từ tổ trưởng bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Mầm non chủ trương tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; tăng cường đi dự

giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH cho nên trường CĐSP Hòa Bình, các đơn vị phòng ban, các khoa, tổ chuyên môn luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích là thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ trong các giai đoạn công tác của đơn vị mình.

Hiện tại thư viện của trường CĐSP có đầy đủ tài liệu, sách, báo tạp chí để tham khảo theo yêu cầu của từng CTĐT và hàng năm tiếp tục được bổ sung theo yêu cầu chuyên môn. Riêng chuyên ngành Cao đẳng Tiểu học, Cao đẳng Mầm Non có 390 đầu sách với 15.495 bản; sách thực hành Tiếng Việt có 100 bộ phục vụ các môn học của ngành đào tạo SP Tiểu học [H9.9.5.1].

Hệ thống thư viện được quản lý bằng công tác truyền thống, có văn bản hướng dẫn cụ thể rõ ràng [H9.9.5.2]. Số lượng CBGV, HSSV sử dụng thư viện được cán bộ thủ thư thống kê từng ngày bằng nhật ký phòng đọc, phòng mượn, tổng hợp theo tháng thông qua phiếu yêu cầu. Hiện nay, thư viện đã quản lý mượn, trả sách của sinh viên bằng phần mềm Quản lý thư viện trường phổ thông của nhà xuất bản Giáo dục.

Hàng năm, tổ Thư viện (nay thuộc phòng ĐT-KT-KH &CTSV) phối hợp với Khoa tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng phục vụ của thư viện. [H9.9.5.3]. Qua kết quả khảo sát cho thấy thư viện cần phải nâng cao hơn nữa về chất lượng phục vụ và cơ sở vật chất trang thiết bị phòng đọc.

Hiện tại một số phòng học ở nhà trường đã được trang bị với các thiết bị: máy tính, máy chiếu đa năng, phong chiếu... được phục vụ theo yêu cầu của giảng viên ở khoa [H9.9.5.4].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành định kỳ và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, nhà trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

3. Tồn tại

Về tư liệu, kho tham khảo sách đã cũ, lạc hậu, công tác quản lý thư viện vẫn thực hiện bằng phương pháp thủ công, chưa tổ chức quản lý bằng công nghệ thông tin.

Về giảng đường, số lượng phòng có máy chiếu, kết nối Internet còn hạn chế nên vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của giảng viên và sinh viên khoa.

4. Kế hoạch hành động

Về tư liệu, tiến tới quản lý thư viện bằng công nghệ thông tin; triển khai xây dựng thư viện điện tử.

Về giảng đường, Nhà trường bổ sung thêm các máy chiếu, kết nối Internet cho các phòng học để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của GV, HSSV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 4/7

Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

Năm 2008 trường CĐSP Hòa Bình đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và năm 2015 đổi tên thành Thanh tra-Khảo thí và ĐBCL Do yêu cầu thực tế của nhà trường, qua nhiều năm, đơn vị có nhiều biến động về tổ chức và nhân sự. Từ tháng 9/2016, công tác ĐBCL được giao cho phòng TTr-KT&ĐBCL, chức năng, nhiệm vụ của công tác ĐBCL được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Đến 6/2017, phòng KT&ĐBCL được thành lập trên cơ sở tách từ phòng TTr-KT&ĐBCL (Quyết định số 314/QĐ/CĐSP ngày 14/6/2017

của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình) [H9.9.1.1], [H9.9.1.2]. Đến tháng 9/2021, bộ phận ĐBCL tách ra và sát nhập với phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL.

Phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL đã tham mưu cho nhà trường nhiều kế hoạch về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, đánh giá hoạt động của GV, khảo sát lấy kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu SV, GV, nhà sử dụng lao động) như khảo sát chất lượng CTĐT; khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp; khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động của thư viện...[H4.4.2.6], [H4.4.3.3], [H9.9.6.1].

Các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL xây dựng, trường thông qua và hướng dẫn đến Khoa sử dụng rộng rãi, công khai theo kế hoạch triển khai định kỳ và kết quả khảo sát được xử lý thống kê đầy đủ [H9.9.6.2].

Đối với giảng viên, nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy GV sau khi kết thúc mỗi học kỳ [H4.4.2.1]. Đối với cựu sinh viên, trường và khoa giữ liên lạc thường xuyên qua các kênh thông tin bao gồm cả email và mạng xã hội để thu thập thông tin về tình hình việc làm [H4.4.3.3]. Đối với nhà sử dụng lao động, nhà trường gửi các phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng về chất lượng CTĐT.[H1.1.3.1]. Căn cứ trên các thông tin và kết quả phản hồi nhận được, trong các cuộc họp, báo cáo tổng kết nhà trường và khoa đã có các đánh giá, điều chỉnh để nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của nhà trường đặc biệt là về CTĐT, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường nhận được sự hỗ trợ, hợp tác từ các bên liên quan khi lấy ý kiến phản hồi.

3. Tồn tại

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, cựu SV về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức tọa đàm, trao đổi nhóm giữa khoa với nhà tuyển dụng và cựu SV để có những thay đổi trong khả năng về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chuẩn 9.7: Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của chương trình đào tạo. CTDH được xây dựng và phát triển trên cơ sở khung CTĐT các ngành đại học, cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành Giáo dục Mầm non hệ Cao đẳng được thiết kế theo 3 khối kiến thức Giáo dục đại cương chung cho ngành Sư phạm, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành [H9.9.7.1].

Trước đây, khi thiết kế chương trình tiếp cận theo nội dung nghĩa là giảng viên chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất, đẩy người học vào thế thụ động tiếp thu. Nhưng chương trình mới được thiết kế tiếp cận mục tiêu qua đó người dạy, người học biết rõ mình phải dạy, học những loại kiến thức, kỹ năng gì, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Điều này có thể thấy rõ thông qua đề cương chi tiết học phần ban hành năm 2008, 2015, 2017, 2020 được cập nhật theo hướng tiếp cận mục tiêu cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) [H4.4.1.2].

Việc xây dựng đề cương chi tiết học phần được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường thành lập Hội đồng xây dựng cho từng chương trình cụ thể, tổ chức cho tất cả các giảng viên thuộc tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận, phản biện, đánh giá, từ đó có những điều chỉnh phù hợp [H9.9.7.2]. Sau đó Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường tiến hành thẩm định và Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chính thức để thực hiện [H9.9.7.3].

Vào cuối năm học, phòng ĐT-KT-KH và ĐBCL phối hợp với Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của sinh viên sắp tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về chất lượng CTĐT để từ đó có những giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H9.9.7.4].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng tạo ra CTDH có tính khoa học, chính xác, quá trình dạy học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

3. Tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa tiến hành khảo sát lấy kiến của các HSSV đã tốt nghiệp trong thiết kế chương trình dạy học.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, khi Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT thì ngoài ý kiến phản hồi SV, nhà sử dụng lao động thì cần mở rộng khảo sát lấy ý kiến cựu SV để phục vụ cho thiết kế và phát triển CTDH nhằm hỗ trợ trong việc đạt chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9

Vấn đề nâng cao chất lượng ngành Giáo dục Mầm non được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 9 gồm 7/7 tiêu chí đạt yêu cầu trong đó có 6/7 tiêu chí đạt mức điểm 5/7; 1/7 tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

TIÊU CHUẨN 10

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường. Hàng năm Khoa Mầm non phối hợp với Nhà trường, phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV để làm cơ sở để cải tiến chất lượng. Nhà trường và Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích sự hài lòng của sinh viên, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động và lấy đo làm chuẩn cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 10.1. Tỷ lệ thôi học, thất nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học hàng năm. Từ các số liệu này, Nhà trường phối hợp với Khoa, phòng ĐT-KT-KH & CTSV, phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL để có biện pháp cải tiến chất lượng, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỉ lệ thôi học.

Theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, một sinh viên bị buộc thôi học khi thuộc vào một trong những trường hợp sau [H10.10.1.1]:

- Sinh viên có 2 hai kỳ liên tiếp bị cảnh báo kết quả học tập
- Vượt quá thời gian tối đa hoàn thành CTĐT
- Bị kỷ luật lần thứ hai do kiểm tra hộ, thi hộ hoặc nhờ người thi hộ

Theo thống kê của phòng QLĐT, số lượng SV bị thôi học do kết quả học tập yếu và bị cảnh báo học tập tương đối thấp [H10.10.1.2]. Các trường hợp còn lại không nhiều. Đây cũng là tình trạng chung của tất cả các ngành trong trường.

Bắt đầu từ năm học 2015-2016, Khoa phối hợp với phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL L tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và

tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao (91.1% đối với năm học 2015-2016; 62.07% đối với năm học 2016-2017) [H4.4.3.3].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học chuyên ngành Giáo dục Mầm non bị buộc thôi học và tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng thời hạn do có sự giám sát chặt chẽ của nhà trường, khoa. Thông qua ý kiến phản hồi của sinh viên về tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp để phòng QLĐT, khoa có hướng thay đổi, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tồn tại

Mặc dù nhà trường giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp bằng quyết định và danh sách SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả ví dụ như thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, vì hoàn cảnh gia đình... trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Khoa tăng cường giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV. Tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt cho SV khi nhập học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chí 10.2. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu CDR được nhà trường xây dựng từ năm 2011 và được điều chỉnh theo các năm chính là cam kết của Nhà trường trong đào tạo và được kiểm chứng khi sinh viên tốt nghiệp và có việc làm [H4.4.3.3]. Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm được phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL phối hợp cùng với Khoa tiến hành khảo sát trong hai năm học 2015-2016; 2016-2017. Kết quả khảo sát của phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL cho thấy SV ngành Giáo dục Mầm non có việc làm với tỷ lệ 81,7% trong năm học 2015-2016; 68.18% trong năm học 2016-2017.

Có sự thay đổi về tỷ lệ trong thời gian 2 năm khảo sát, đó là sự giảm tỷ lệ SV làm việc trong các cơ quan, hành chính sự nghiệp nhà nước (46.2% và 9.5%), và sự tăng tỷ lệ SV làm việc trong khu vực tư nhân (50% và 90.5%).

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho ngành GDMN giúp sinh viên đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Mặt khác, Khoa Mầm non có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của khoa. Đây chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Hiện nay các kênh liên lạc với cựu sinh viên vẫn chưa ổn định về số lượng và địa chỉ liên lạc.

4. Kế hoạch hành động

Để SV Khoa Mầm non khi ra trường làm đúng ngành nghề đã được đào tạo, trong những năm học tới, Khoa Mầm non tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn-Hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức điểm 5/7

Tiêu chuẩn 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và ĐT-KT-KH & CTSV [H10.10.3.1].

** Đối với giảng viên:*

Giảng viên của Khoa cũng được mời dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng

cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. [H10.10.3.1]. Hội đồng khoa học đào tạo trường tổ chức họp ít nhất 1 lần/năm để xem chiến lược đào tạo và các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có Khoa Mầm non kiến nghị [H10.10.3.2].

** Đối với người học:*

Dựa trên quy định của Nhà trường về việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên trước khi kết thúc môn học trong mỗi học kỳ. Khoa Mầm non phối hợp cùng với phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL, phòng ĐT-KT-KH&CTSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng chương trình đào tạo nhằm thu thập thông tin về việc thực hiện mục tiêu môn học. Qua đó góp phần điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H4.4.2.6].

** Đối với nhà tuyển dụng lao động:*

Việc thu thập thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của nhà trường, đánh giá về năng lực của người lao động được phòng Tổ chức- Thanh tra và ĐBCL, phòng ĐT-KT-KH&CTSV bắt đầu khảo sát từ năm học 2016-2017; 2017-2018. [H1.1.3.1]. Nhìn chung, kết quả cho thấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động là hài lòng về những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ mà SV tốt nghiệp ngành GDMN được đào tạo trong quá trình học tập tại Khoa Mầm non.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDMN được các bên liên quan đánh giá cao. Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho SV có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, SV của khoa còn được đi kiến tập, thực tập tại các trường Mầm non trong địa bàn tỉnh để làm quen với môi trường lao động. Những kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ mà SV được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

3. Tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan mới được thực hiện thường xuyên, mới chỉ trong 2,3 năm trở lại đây.

4. Kế hoạch hành động

Từ những năm học tiếp theo, Nhà trường phối hợp với phòng KT&ĐBCL, phòng QLĐT tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm là 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Sinh viên ngành GDMN có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Sinh viên nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, SV, nhà tuyển dụng lao động đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên để khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường đẩy mạnh các kỹ năng mềm, tăng cường thời lượng thực tập thực tế... để SV đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 10 gồm 3 tiêu chí, kết quả 03 tiêu chí đạt yêu cầu.

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Đảm bảo chất lượng đào tạo là vấn đề quan trọng, có tính chất sống còn đối với mọi hoạt động của nhà trường trong xu thế hội nhập quốc tế ngày nay. Ý thức tầm quan trọng của vấn đề đảm bảo chất lượng và của công tác kiểm định chất lượng, trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình triển khai công tác tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non. Nhà trường đã tiến hành công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả chính xác, phản ánh đúng thực trạng của chương trình đào tạo.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực hiện có, thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch chi tiết, bồi dưỡng kỹ năng viết báo cáo và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm chuyên trách theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT. Tuy nhiên, do đội ngũ nhân sự các nhóm chuyên trách phần lớn là cán bộ quản lý, thường có công việc đột xuất, một số cán bộ mới tiếp cận với công tác này nên không tránh khỏi những hạn chế về kỹ năng viết và thu thập minh chứng.

Bên cạnh đó, trường là đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT Hoà Bình nên cơ chế quản lý có nhiều điểm khác biệt so với các trường chuyên nghiệp khác, đặc biệt là các quy định cụ thể về cơ cấu ngành nghề đào tạo, công tác tuyển dụng giáo viên, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, tài chính ... do đó, các hoạt động của nhà trường thường xuyên biến động, khó ổn định, dẫn đến rất khó khăn trong việc tìm kiếm và thu thập minh chứng.

Thông qua việc tự đánh giá, nhà trường đã thấy tương đối đầy đủ những ưu điểm và những tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó có kế hoạch hành động phù hợp với đặc điểm của đơn vị thực hiện CTĐT, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện tốt các yêu cầu trong sứ mạng mà trường đã công bố.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non của trường CĐSP Hòa Bình nhằm phục vụ cho đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo theo quy định của BGD&ĐT.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Mã: C23

Tên CTĐT: Giáo dục Mầm non

Mã CTĐT: 51140201

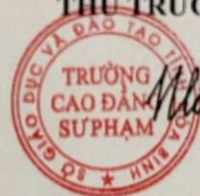
Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>										
Tiêu chí 1.1					5			4,67	3	100%
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>										
Tiêu chí 2.1					5			5.0	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>										
Tiêu chí 3.1					5			5.0	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>										
Tiêu chí 4.1					5			5.0	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>										
Tiêu chí 5.1						6		5.2	6	100%
Tiêu chí 5.2					4					
Tiêu chí 5.3					5					

Tiêu chí 5.4					5				
Tiêu chí 5.5					5				
Tiêu chí 5.6						6			
<i>Tiêu chí 6</i>									
Tiêu chí 6.1					5				
Tiêu chí 6.2					5				
Tiêu chí 6.3					5			5.0	5 100%
Tiêu chí 6.4					5				
Tiêu chí 6.5					5				
<i>Tiêu chuẩn 7</i>									
Tiêu chí 7.1					5				
Tiêu chí 7.2					5				
Tiêu chí 7.3					5			4.8	6 100%
Tiêu chí 7.4					5				
Tiêu chí 7.5					5				
Tiêu chí 7.6					4				
<i>Tiêu chuẩn 8</i>									
Tiêu chí 8.1					5				
Tiêu chí 8.2					5			4.7	4 100%
Tiêu chí 8.3					5				
Tiêu chí 8.4					4				
<i>Tiêu chuẩn 9</i>									
Tiêu chí 9.1					5				
Tiêu chí 9.2					5				
Tiêu chí 9.3					5			4.8	7 100%
Tiêu chí 9.4					5				
Tiêu chí 9.5					4				
Tiêu chí 9.6					5				
Tiêu chí 9.7					5				

<i>Tiêu chuẩn 10</i>									
Tiêu chí 10.1				5			5.0	3	100%
Tiêu chí 10.2				5					
Tiêu chí 10.3				5					
Đánh giá chung CTĐT							4.9	43	100%

Hòa Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Lệ Hương
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lệ Hương

PHẦN V. PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1.

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/10/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Tiếng Anh: Hoa Binh College of Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: CĐSP Hòa Bình

3. Tên trước đây: Trường Trung cấp Sư phạm 12+2

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Sở Giáo dục-Đào tạo Hòa Bình

5. Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu - phường Chăm mát - thành phố Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình

6. **Thông tin liên hệ:** Điện thoại 0218.3858245. Số fax 0218.3858245

7. E-mail: cd.sup@hoabinh.edu.vn

Website: cdsphoabinh.edu.vn

8. **Năm thành lập trường:** Ngày 10 tháng 10 năm 1956

9. **Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:** Năm 1956

10. **Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:** Năm 1997

11. **Loại hình trường đào tạo:** Công lập

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Mầm non

- Tiếng Anh: Primary Department

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa MN

14. Tên trước đây (nếu có):.....

15. Mã CTĐT: 51140201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa

Khoa Mầm Non-Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình-Đường Võ Thị Sáu, Phường Chăm Mát, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

18. Số điện thoại liên hệ:E-mail: K.mamnonhb@gmail.com

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1956

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1956

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1997

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Thời kỳ đầu, những năm 1976 - 1977, các lớp đào tạo cô nuôi dạy trẻ do Ủy ban bảo vệ bà mẹ trẻ em thành lập với chức năng bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ các hệ 6 tháng hoặc 9 tháng. Năm 1977, thành lập trường Sơ học Cô nuôi dạy trẻ với chức năng đào tạo sơ học nuôi dạy trẻ hệ 9 tháng. Năm 1991, sau khi tái lập tỉnh Hòa Bình, do yêu cầu phát triển của ngành đổi tên thành trường Sư phạm MG - NT Hòa Bình với chức năng đào tạo giáo viên nhà trẻ và mẫu giáo cho tỉnh. Năm 1995 sáp nhập vào trường THSP Hòa Bình, trở thành một bộ phận của trường THSP Hòa Bình. Đến tháng 01/1996 chính thức trở thành Khoa Mầm non của trường CDSP Hòa Bình như hiện nay. Những ngày đầu mới thành lập, khoa gặp không ít khó khăn, chất lượng đào tạo còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu trường CDSP Hòa Bình cũng như sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên, khoa Mầm non đã vượt qua những khó khăn, thách thức và không ngừng vươn lên trong mọi mặt hoạt động. Từ năm 1994 đến năm 2007, khoa chỉ thực hiện nhiệm vụ đào tạo giáo viên mầm non trình độ sơ cấp và trung cấp. Đến năm 2008, khoa chính thức được giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng, giảng viên của khoa đã không ngừng cố gắng vươn lên để hoàn thiện mình, tích cực tự học, tự nghiên cứu để trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ. Đến nay, khoa có 05 cán bộ, giảng viên, đều đạt trình độ thạc sĩ. Nhiều năm liền, khoa được công nhận là Tập thể Lao động tiên tiến,

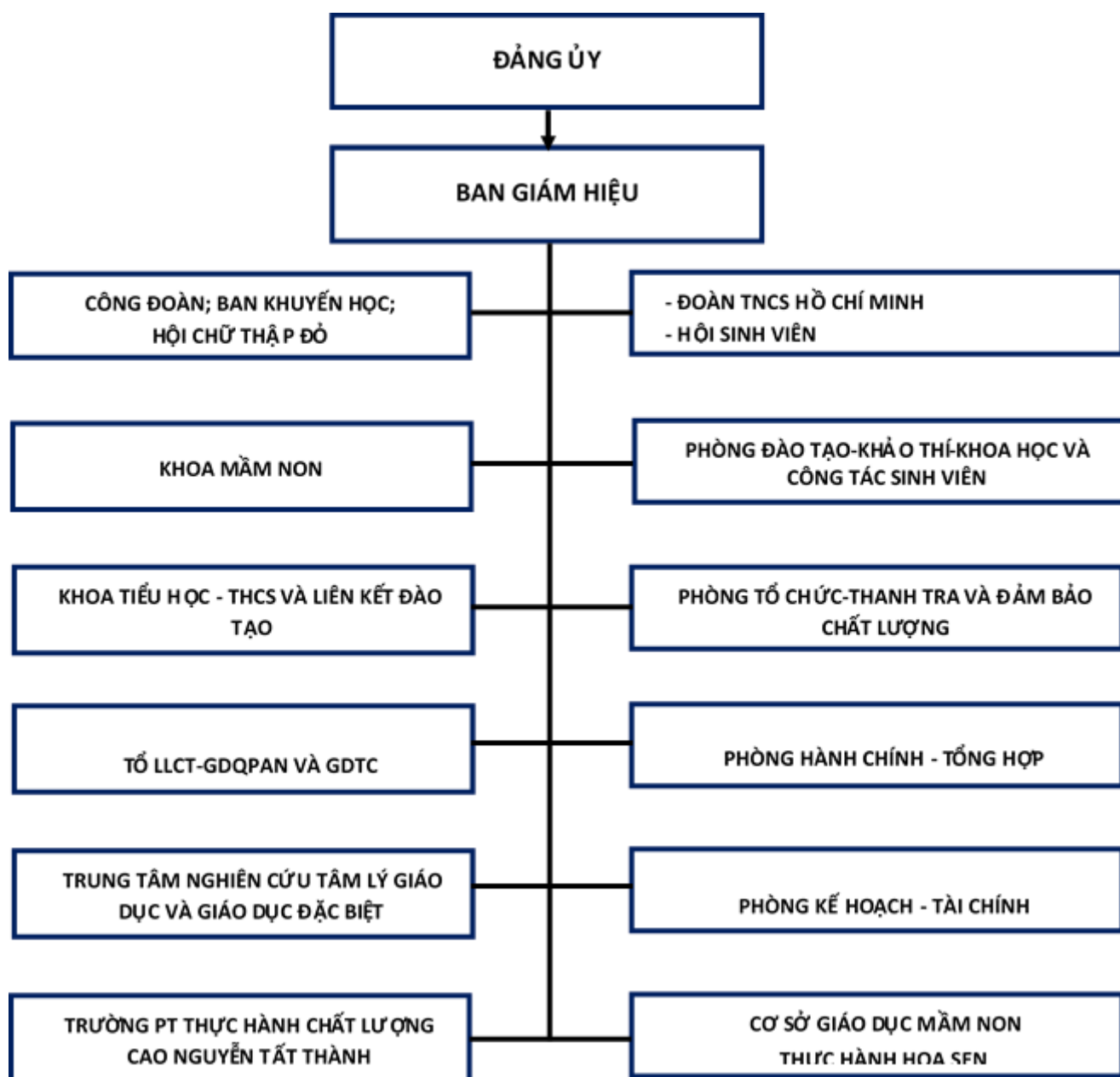
Lao động xuất sắc. Nhiều cán bộ, giảng viên được nhận Bằng khen, Giấy khen của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 02 giảng viên đạt Giải Ba Hội thi giáo viên giỏi trung cấp chuyên nghiệp toàn quốc và nhiều giảng viên đạt danh hiệu giảng viên giỏi cấp trường.

Hiện nay, khoa Mầm non có 6 lớp chính quy với gần 300 SV các hệ đào tạo Cao đẳng. Chất lượng học tập của học sinh, sinh viên và chất lượng đào tạo của khoa ngày càng được nâng cao. Đặc biệt là chất lượng rèn luyện rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành, thực tập của học sinh, sinh viên trong khoa được đánh giá cao. Ngoài việc trang bị cho các em những kiến thức, kỹ năng cơ bản của người giáo viên mầm non, khoa còn rất chú trọng đến việc cung cấp những vấn đề đổi mới trong giáo dục mầm non hiện nay giúp các em cập nhật kịp thời với những thay đổi trong chương trình hiện hành và có thể thích ứng nhanh chóng với nghề nghiệp sau khi ra trường. Từ tháng 8/2013 đến nay, khoa còn được trường CĐSP Hòa Bình tin tưởng giao nhiệm vụ xây dựng đề án thành lập và quản lý trực tiếp Cơ sở GDMN thực hành Hoa Sen - nơi tổ chức thực hành, rèn luyện NVSPTX cho giáo sinh các hệ đào tạo sư phạm mầm non.

Cùng với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, khoa Mầm non còn chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HSSV. Là một trong những khoa được đánh giá cao về chất lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Khoa đã tổ chức thành công các Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Hội thi HSSV thanh lịch, Thi Hát, Múa, Kể chuyện diễn cảm, Thi làm đồ dùng dạy học và các chương trình ngoại khóa "Mùa xuân - cô nuôi dạy trẻ", HSSV Mầm non với cơ hội việc làm, Chào đón tân sinh viên... Đây thật sự là những sân chơi bổ ích, lành mạnh, có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy quá trình học tập và rèn luyện của HSSV trong khoa.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Hình 1: Cơ cấu tổ chức hành chính nhà trường



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng)

T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo CSGD					

1	Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Lệ Hường	1976	Thạc sĩ	0942.726.409	
2	Phó Hiệu trưởng	Đào Anh Tuấn	1973	Thạc sĩ	0333.735.882	
3	Phó Hiệu trưởng	Đặng Trọng Nghĩa	1968	Thạc sĩ	0989.125.408	
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Lê Hải Diệu	1974	Thạc sĩ	0974.659.268	
2	Phó trưởng khoa	Dương Bích Thúy	1977	Thạc sĩ	0977.812.037	
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi bộ Đảng	Lê Hải Diệu	1974	Thạc sĩ, Trưởng khoa, Phó bí thư chi bộ	0974.659.268	
2	Công đoàn	Đặng Hoàng Hà	1983	Tổ trưởng công đoàn	0984.919.931	
3	Đoàn Thanh niên	Nguyễn Ngọc Anh		CBCĐ Giáo viên; Ủy viên Đoàn TN	0868.408.890	

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01 (Ngành Giáo dục Mầm non)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	18	58	76
I.1	Đội ngũ trong biên chế	18	58	
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số			

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	59	59	0	20	0	0
6	Đại học	18	18	0	1	0	0
7	Cao đẳng	1	1	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	78	78		21		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = **78**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **78/86**

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ trưởng BGDĐT)

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	0	0	0	0	0	0	
5	Thạc sĩ	1	59	59		3			
6	Đại học	0,3	5.4	5.4		0.3			
	Tổng		64.4	64.4		3.3			

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	59		12	47	1	29	23	6	0
6	Đại học	18		6	12	1	15	2	0	0
	Tổng	77		18	59	2	44	25	6	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **77/86 (45%)**

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	25,7%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	27%	37,3%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	22,3%	23,4%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	29,5%	13,6%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	11,2%	
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	208	182		151			0
2017-2018	160	143		122			0
2018-2019	98	74		69			0
2019-2020	89	75		70			0
2020-2021	308	236		222			0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	374	294	275	224	346
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
2. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	177	22	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
3. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số	0	0	0	0	0

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020-2021
người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1250	1250	1250	1250	1250
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	400	290	300		
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	309	289	297		
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	3.9m ² /sv	4.3m ² /sv	4.2m ² /sv	m ² /sv	m ² /sv

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	154	82	112	93	63
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	155	22	0	0	0
Hệ không chính quy					
3. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người)/Số lượng sinh viên tuyển vào	309/356	104/113	112/152	93/122	62/69
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với	86.79%	92.03%	73.68%	76.22%	89.86%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					Chưa khảo sát
- Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	58.1%	52.7%	60.9%	54.8% 58.6%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	28.1%	4.4%	30.6%	15.2%	Chưa KS
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	2-4 triệu	2-4 triệu	4-4.5 triệu	4-4.5 triệu	Chưa KS
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9),
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	14	5	4	6.5	4.5	34
4	Tổng		14	6	4	6.5	4.5	35

Cách tính: $Cột\ 9 = cột\ 3 * (cột\ 4 + cột\ 5 + cột\ 6 + cột\ 7 + cột\ 8)$

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **35**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **35/86** (

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0
5	2020	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	7	70	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	7	71	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	

1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	7	10	15	9	45

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	112	48	46	16.5	17.5	240
	Tổng		116	55	56	31.5	26.5	285

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **285**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **285/86**

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	24	92
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	17
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	2
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	24	110

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0

2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	0	0	13.5	14.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	3	7	0	0	10
4	Tổng		0	4	7	0	13.5	24.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **24.5**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **24.5/86**

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	4	33
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	33

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 37.476.8m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 37.476.8m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: **3.257m²**
- Nơi học: **6.703m²**
- Nơi vui chơi giải trí: **7.124m²**

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: **6.703m²**

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy (năm học 2021-2022):

19.04m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: **9.133**

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: **40**

- Dùng cho người học học tập: **80**

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: **80/352**

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **77**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **89.53%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): **0**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): **68.60%**

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): **352**

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: **352/86**

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (Tính đến thời điểm báo cáo)

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): **55.4%**

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): **15.2%**

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): **4-4.5 triệu**

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **35/86**

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: **0**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **285/86**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **24.5/86**

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: **120 máy**

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:

PHỤ LỤC 2: CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN TỚI TỰ ĐÁNH GIÁ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /KH-CĐSP

Hòa Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, trình độ Cao đẳng

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm,

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT,

Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình xây dựng kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích, yêu cầu:

Nhằm đo lường mức độ đáp ứng về chất lượng của các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng hiện đang được áp dụng đối với các ngành đào tạo giáo viên Mầm non của trường, trên cơ sở đối chiếu với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Việc tự đánh giá CTĐT giúp nhà trường chủ động rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời là điều kiện để xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu nhà trường đã xác định.

2. Phạm vi:

Phạm vi tự đánh giá CTĐT được xác định trong khuôn khổ CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

II. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Công cụ đánh giá:

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, ban hành tại Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo làm cơ sở tự đánh giá.

Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sử phạm và trung cấp sư phạm.

Các tài liệu hướng dẫn khác của Bộ GD&ĐT.

2. Phương pháp:

Căn cứ vào các chỉ số trong bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT, các nhóm chuyên trách thu thập minh chứng, tổng hợp, thống kê, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tự đánh giá.

3. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách:

Hội đồng tự đánh giá CTĐT được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký HĐ và các nhóm công tác chuyên trách.

Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng; Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách có phụ lục chi tiết kèm theo.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:

1. CTĐT được đánh giá: CTĐT ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

2. Nội dung đánh giá:

Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, ban hành tại Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo làm cơ sở so sánh, đối chiếu.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 1/3/2021 đến 30/6/2021

4. Hoàn thiện báo cáo đánh giá: Từ 01/7/2021 đến 31/8/2021

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trách nhiệm của Hội đồng, Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách:

a) Hội đồng tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các công tác tự đánh giá chương trình đào tạo; tham gia phân biện, nghiệm thu và đánh giá mức độ đạt được của báo cáo đánh giá CTĐT; tư vấn cho Hiệu trưởng về các biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng của các chương trình đào tạo.

b) Trách nhiệm của Thư ký: Giúp việc cho Hội đồng đánh giá.

c) Trách nhiệm của các nhóm công tác chuyên trách:

Tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn đúng yêu cầu và kế hoạch đã được phê duyệt.

Đề xuất với Hội đồng đánh giá các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

2. Trách nhiệm của khoa có CTĐT được đánh giá:

Phổ biến kế hoạch, nội dung công tác đánh giá chương trình đào tạo tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa;

Đôn đốc, giám sát các thành viên của Khoa tham gia công tác đánh giá chương trình đào tạo hoàn thành đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng;

Phối hợp với phòng KT&ĐBCL để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo báo cáo đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu.

Định kỳ hàng tháng, báo cáo Hiệu trưởng về tiến độ triển khai đánh giá chương trình đào tạo thông qua phòng KT&ĐBCL.

3. Trách nhiệm của phòng KT&ĐBCL:

Tư vấn, hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác đánh giá CTĐT khi có yêu cầu.

4. Trách nhiệm của phòng ĐT-KT-KH &CTSV và CTHSSV

Cung cấp các chương trình đào tạo, chương trình môn học trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT cho các nhóm chuyên trách phục vụ cho việc đánh giá CTĐT.

Phối hợp với phòng KT&ĐBCL và các đơn vị liên quan thực hiện công tác đánh giá CTĐT.

Phối hợp với các Khoa để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo kết quả cải tiến cho Ban Giám hiệu.

5. Trách nhiệm của các đơn vị phòng, khoa, tổ chuyên môn trực thuộc, các tổ chức đoàn thể trong Trường:

Phổ biến hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo tới toàn thể tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị.

Phối hợp với các khoa và phòng KT&ĐBCL, phòng QLĐT & CTHSSV trong công tác tự đánh giá chương trình đào tạo như: Cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn ...) theo chức năng nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

Triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá.

6. Thời gian biểu thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 <i>Từ ngày 01/3 đến 12/3/2021</i>	<ol style="list-style-type: none">1. Họp lãnh đạo các đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.3. Họp Hội đồng đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">• Công bố quyết định thành lập Hội đồng đánh giá;• Hướng dẫn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

Thời gian	Các hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch đánh giá CTĐT.
<p>Tuần 3 – 4 <i>Từ ngày 15/3-đến 26/3/2021</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch đánh giá.
<p>Tuần 5 – 8 <i>Từ ngày 29/3-đến 16/4/2021</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
<p>Tuần 9-15 <i>Từ ngày 19/4-đến 4/6/2021</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<p>Tuần 16 <i>Từ ngày 7/6-đến 11/6/2021</i></p>	<p>Hội đồng đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 17-18 Từ ngày 14/6-đến 25/6/2021	1. Hội đồng đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 Từ ngày 28/6 đến 16/7/2021	1. Công bố bản báo cáo đánh giá trong đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo đánh giá.
Tuần 22-23 Từ ngày 19/7 đến 30/7/2021	1. Hội đồng đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng đánh giá CTĐT thông qua báo cáo đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá
Tuần 24 Từ ngày 2/8 đến 6/8/2021	1. Cơ sở giáo dục báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận: 

- BGH (để chỉ đạo);
- HD danh gia (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT&DBCL

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Thị Lệ Hương

Số: 07 /QĐ-CĐSP

Hòa Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BGD&ĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGD&ĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Kế hoạch 183/KH-CĐSP ngày 11/8/2020 của Hiệu trưởng trường CĐSP về việc cải tiến chất lượng giáo dục sau kiểm định chất lượng giáo dục trường CĐSP năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cho ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng gồm các ông bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trên cơ sở Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công.

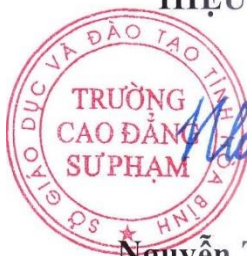
Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các ông, bà trưởng các đơn vị liên quan và có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- BGH (để chỉ đạo);
- HD danh gia (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT&DBCL

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hường

DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng

(Đính kèm Quyết định số: 07 /QĐ-CDSP ngày 18 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng trường CDSP Hòa Bình)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Thị Lệ Hương	Ths. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Đào Anh Tuấn	Ths. Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3.	Đặng Trọng Nghĩa	Ths.TP.KT&ĐBCL	Thư ký
4.	Bùi Thị Hương	Ths. TP.QLĐT&CTHSSV	Thư ký
5.	Lê Hải Diệu	Ths. Trưởng khoa Mầm non	Thành viên
6.	Quách Công Sơn	Ths. TP. Tổ chức-Thanh tra	Thành viên
7.	Lê Thị Hồng Hải	CN. Trưởng phòng HC-QT	Thành viên
8.	Bùi Thị Hằng Thơ	Ths. PTP. QLĐT-CTHSSV	Thành viên
9.	Đỗ Khắc Sơn	Ths. PTP.QLĐT-CTHSSV	Thành viên
10.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ths. PTP.KT&ĐBCL	Thành viên
11.	Nguyễn Thị Thu Hà	Ths. PTP.Tổ chức-Thanh tra	Thành viên
12.	Đỗ Thị Tiên Thành	Ths. Cán bộ phòng KT&ĐBCL	Thành viên
13.	Đinh Thị Thảo	Ths. Cán bộ phòng KT&ĐBCL	Thành viên
14.	Dương Bích Thúy	Ths. Phó trưởng khoa Mầm non	Thành viên
15.	Trương Thị Phương Lan	Ths. Cán bộ phòng QLĐT-CTHSSV	Thành viên
16.	Trịnh Thị Hồng	Ths. Cán bộ phòng Tổ chức-Thanh tra	Thành viên
17.	Nguyễn Hồng Loan	Ths. Chủ tịch Hội Sinh viên	Thành viên
18.	Bùi Văn Thiện	CN. Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
19.	Phạm Nam Phương	Ths. Giám đốc TT NCTLGD-GDDB	Thành viên
20.	Bùi Thị Ngọc Hải	Ths. PTP. Hành chính- Quản trị	Thành viên
21.	Nguyễn Thành Hưng	Ths. Cán bộ P.Hành chính-Quản trị	Thành viên
22.	Lê Hồng Hảo	CN.Cán bộ Tổ thư viện	Thành viên
23.	Nguyễn Thị Mai Hương	Ths.CB.P.QLĐT-CTHSSV	Thành viên
24.	Nguyễn Văn Lợi	Ths.Tổ trưởng tổ LLCT-QPAN-GDTC	Thành viên
25.	Bùi Thị Phương	CN.CB.P. QLĐT-CTHSSV	Thành viên
26.	Lê Thành Nam	Ths. PTP.Tổ chức-Thanh tra	Thành viên
27.	Hoàng Ngọc Mai	CN. Trưởng cơ sở MN Hoa Sen	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng**

*(Đính kèm Quyết định số: 07 /QĐ-CDSP ngày 18 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng trường CDSP Hòa Bình)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Đặng Trọng Nghĩa	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng ban
2.	Bùi Thị Hương	Trưởng phòng QLĐT- CTHSSV	Phó trưởng ban
3.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
4.	Bùi Thị Hằng Thơ	Phó trưởng phòng QLĐT- CTHSSV	Ủy viên
5.	Dương Bích Thúy	Phó trưởng khoa Mầm non	Ủy viên
6.	Đỗ Thị Tiến Thành	CB phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
7.	Đinh Thị Thảo	CB phòng KT&ĐBCL	Ủy viên

(Danh sách gồm có 07 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng

(Đính kèm Quyết định số: 07 /QĐ-CDSP ngày 18 tháng 01 năm 2021

của Hiệu trưởng trường CDSP Hòa Bình)

Nhóm chuyên trách	Chịu trách nhiệm đánh giá các tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	1 4	Nguyễn Thị Lệ Hường	Ths. Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Hương	Ths. TP.QLĐT-CTHSSV	Ủy viên
		Dương Bích Thúy	Ths. PTK. Mầm non	Ủy viên
		Đinh Thị Thảo	Ths. CB.P.KT&ĐBCL	Ủy viên
Nhóm 2	2 3	Đào Anh Tuấn	Ths. Phó hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Hằng Thơ	Ths. PTP. QLĐT- CTHSSV	Ủy viên
		Lê Hải Diệu	Ths.TK Mầm non	Ủy viên
		Phạm Nam Phương	Ths.Giám đốc TT NCTLGD-GDĐB	Ủy viên
		Nguyễn Văn Lợi	Ths.Tổ trưởng tổ LLCT-GDQPAN-GDTC	Ủy viên
		Hoàng Ngọc Mai	CN.Trưởng cơ sở MN Hoa Sen	Ủy viên
Nhóm 3	5 10	Đỗ Khắc Sơn	Ths. PTP.QLĐT-CTHSSV	Trưởng nhóm
		Bùi Văn Thiện	CN.Bí thư đoàn TN	Ủy viên
		Trương Thị Phương Lan	Ths. CB.P.QLĐT-CTHSSV	Ủy viên
		Nguyễn Hồng Loan	Ths.Chủ tịch Hội SV	Ủy viên
		Bùi Thị Phương	CN. CB.P. QLĐT-CTHSSV	Ủy viên
Nhóm 4	6 9	Đặng Trọng Nghĩa	Ths.TP.KT&ĐBCL	Trưởng nhóm
		Đỗ Thị Tiến Thành	Ths. CB.P.KT&ĐBCL	Ủy viên

		Nguyễn Thị Mai Hương	Ths.CB.P.QLĐT-CTHSSV	Ủy viên
Nhóm 5	7	Quách Công Sơn	Ths. TP.Tổ chức-Thanh tra	Trưởng nhóm
		Nguyễn Thị Thu Hà	Ths.PTP.Tổ chức-Thanh tra	Ủy viên
		Lê Thành Nam	Ths.PTP.Tổ chức-Thanh tra	Ủy viên
		Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ths.PTP.KT&ĐBCL	Ủy viên
		Trịnh Thị Hồng	Ths.CBP.Tổ chức-Thanh tra	Ủy viên
Nhóm 6	8	Lê Thị Hồng Hải	Cử nhân. TP.HC-QT	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Ngọc Hải	Ths. PTP. HC-QT	Ủy viên
		Lê Hồng Hảo	Cán bộ Tổ thư viện	Ủy viên
		Nguyễn Thành Hưng	Ths.CB. P.HC-QT	Ủy viên

(Danh sách gồm có 27 người)

Số: 243/QĐ-CDSP

Hòa Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT)
ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BGD&ĐT ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGD&ĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Kế hoạch 183/KH-CDSP ngày 11/8/2020 của Hiệu trưởng trường CDSP về việc cải tiến chất lượng giáo dục sau kiểm định chất lượng giáo dục trường CDSP năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức-Thanh tra và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cho ngành đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng gồm các ông bà có tên trong danh sách kèm theo. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trên cơ sở Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày

05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các ông, bà trưởng các đơn vị liên quan và có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- HĐ đánh giá (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lê Hùng

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng
 (Đính kèm Quyết định số: 243/QĐ-CĐSP ngày 05 tháng 11 năm 2021
 của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Nguyễn Thị Lệ Hường	Ths. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Đào Anh Tuấn	Ths. Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3.	Đặng Trọng Nghĩa	Ths. Phó Hiệu trưởng	Thư ký	
4.	Bùi Thị Hương	Ths. TP.ĐT&KT-KH và CTSV	Thư ký	
5.	Lê Hải Diệu	Ths. Trưởng khoa Mầm non	Thành viên	
6.	Quách Công Sơn	Ths. TP. TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
7.	Lê Thị Hồng Hải	CN. Trưởng phòng HC-TH	Thành viên	
8.	Bùi Thị Hằng Thơ	Ths. TP.ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
9.	Đỗ Khắc Sơn	Ths. TP. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
10.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ths. PTP. HC-TH	Thành viên	
11.	Nguyễn Thị Thu Hà	Ths. PTP.TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
12.	Đỗ Thị Tiến Thành	Ths. CB.P.ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
13.	Đinh Thị Thảo	Ths. CB.P.TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
14.	Dương Bích Thúy	Ths. Phó trưởng khoa Mầm non	Thành viên	
15.	Trương Thị Phương Lan	Ths. TP. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
16.	Trịnh Thị Hồng	Ths. CB.Phòng TC-TTr-ĐBCL	Thành viên	
17.	Nguyễn Thị Huyền	Ths. Phó Chủ tịch HSV	Thành viên	
18.	Bùi Văn Thiện	CN. Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên	
19.	Phạm Nam Phương	Ths. Giám đốc TT NCTLGD-GDĐB	Thành viên	
20.	Bùi Thị Ngọc Hải	Ths. PHT. Trường PTTH CLC NTT	Thành viên	
21.	Nguyễn Thành Hưng	Ths. PTP. HC-TH	Thành viên	
22.	Lê Hồng Hào	CN.Cán bộ Tổ thư viện	Thành viên	
23.	Nguyễn Thị Mai Hương	Ths.CB. Phòng TC-TTr-ĐBCL	Thành viên	
24.	Nguyễn Văn Lợi	Ths.Tổ trưởng tổ LLCT-QPAN-GDTC	Thành viên	
25.	Bùi Thị Phương	CN.CB. ĐT&KT-KH và CTSV	Thành viên	
26.	Lê Thành Nam	Ths. TC-TTr và ĐBCL	Thành viên	
27.	Hoàng Ngọc Mai	CN. Trưởng cơ sở MN Hoa Sen	Thành viên	

(Danh sách gồm có 27 người)



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng**

*(Đính kèm Quyết định số 243/QĐ-CĐSP ngày 05 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Đặng Trọng Nghĩa	Phó Hiệu trưởng	Trưởng ban
2.	Bùi Thị Hương	Trưởng phòng ĐT-KT-KH&CTSV	Phó trưởng ban
3.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phó trưởng phòng HC-TH	Ủy viên
4.	Bùi Thị Hằng Thơ	Phó trưởng phòng ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
5.	Dương Bích Thúy	Phó trưởng khoa Mầm non	Ủy viên
6.	Đỗ Thị Tiến Thành	CB phòng ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
7.	Đinh Thị Thảo	CB TC-TTr và ĐBCL	Ủy viên

(Danh sách gồm có 07 người)



**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng
(Đính kèm Quyết định số 243/QĐ-CDSP ngày 05 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng trường CDSP Hòa Bình)

Nhóm chuyên trách	Chịu trách nhiệm đánh giá các tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	1 4	Nguyễn Thị Lệ Hương	Ths. Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Hương	Ths. TP. ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
		Dương Bích Thúy	Ths. PTK. Mầm non	Ủy viên
		Đinh Thị Thảo	Ths. CB.P.TC-Tr và DBCL	Ủy viên
Nhóm 2	2 3	Đào Anh Tuấn	Ths. Phó hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Hằng Thơ	Ths. PTP. ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
		Lê Hải Diệu	Ths.TK Mầm non	Ủy viên
		Phạm Nam Phương	Ths.Giám đốc TT NCTLGD-GDĐB	Ủy viên
		Nguyễn Văn Lợi	Ths.Tổ trưởng tổ LLCT-GDQPAN-GDTC	Ủy viên
Hoàng Ngọc Mai	CN.Trưởng cơ sở MN Hoa Sen	Ủy viên		
Nhóm 3	5 10	Đỗ Khắc Sơn	Ths. PTP. ĐT-KT-KH&CTSV	Trưởng nhóm
		Bùi Văn Thiện	CN.Bí thư đoàn TN	Ủy viên
		Trương Thị Phương Lan	Ths. CB.P. ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
		Nguyễn Thị Huyền	Ths.Phó Chủ tịch Hội SV	Ủy viên
		Bùi Thị Phương	CN. CB.P. ĐT-KT-KH&CTSV	Ủy viên
Nhóm 4	6 9	Đặng Trọng Nghĩa	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
		Đỗ Thị Tiến Thành	Ths. CB. P. ĐT-KT-	Ủy viên

		KH&CTSV		
		Nguyễn Thị Mai Hương	Ths.CB.P.TC-TTr-ĐBCL	Ủy viên
Nhóm 5	7	Quách Công Sơn	Ths. TP. TC-TTr-ĐBCL	Trưởng nhóm
		Nguyễn Thị Thu Hà	Ths.PTP. TC-TTr-ĐBCL	Ủy viên
		Lê Thành Nam	Ths.PTP. TC-TTr-ĐBCL	Ủy viên
		Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ths.PTP.HC-TH	Ủy viên
		Trịnh Thị Hồng	Ths.CBP. TC-TTr-ĐBCL	Ủy viên
Nhóm 6	8	Lê Thị Hồng Hải	Cử nhân. TP.HC-TH	Trưởng nhóm
		Bùi Thị Ngọc Hải	Ths. PHT Trường PTH CLC NTT	Ủy viên
		Lê Hồng Hào	Cán bộ Tổ thư viện	Ủy viên
		Nguyễn Thành Hưng	Ths.PTP. P.HC-TH	Ủy viên

(Danh sách gồm có 27 người)

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC MINH CHỨNG